CÔNG TY CỔ PHẦN **SXKD XNK BÌNH THẠNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 304/2023/GIL-CBTT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2023*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Sản Xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh
- Mã chứng khoán : GIL
- Địa chỉ trụ sở chính : 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
- Điện thoại : 028.35162288
- Fax : 028-35160118
- Người thực hiện công bố thông tin : **LÊ HÙNG**
  Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố: ☐ định kỳ ☐ bất thường ☒ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2023.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: https://www.gilimex.com/vi/danh-muc/cong-bo-thong-tin/

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- Báo cáo thường niên năm 2023;

CÔNG TY CỔ PHẦN SXKD XNK BÌNH THẠNH
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (GILIMEX) Q. BÌNH THẠNH TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH

GILIMEX

Địa chỉ : 334A Phan Văn Trị , Phường 11, Quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028.3 7100 8888 Fax: 028.3516 0118
Email: gilimex@gilimex.com website: www.gilimex.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY 2

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022 13

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2022 31

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2022 38

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY 40

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2022 59

CÔNG TY CỔ PHẦN SXKD XNK BÌNH THẠNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 303/BC-GIL	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2023*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

Tên Tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH

Tên Tiếng Anh : BINH THANH IMPORT EXPORT PRODUCTION AND TRADE JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : GILIMEX

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0302181666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 17/11/2022.

Vốn điều lệ : 690.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư : 690.000.000.000 đồng

Địa chỉ : 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại : 84 - 28 – 7100 8888

Số fax : 84 - 28 – 3516 0118

Website : www.gilimex.com

Mã cổ phiếu : GIL

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (Sau đây gọi tắt là "**Công ty**") được thành lập theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ Tướng Chính phủ về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản Xuất Kinh doanh Xuất nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công ty cổ phần, có tiền thân là Công ty Cung ứng hàng xuất khẩu Quận Bình Thạnh được thành lập từ năm 1982 theo Quyết định số 39/QĐ-UB ngày 19/03/1982 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27/12/2000, Công ty đã tiến hành Đại hội Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần với vốn Điều lệ ban đầu là 12 tỷ đồng. Ngày 29/12/2000, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 và Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh chính thức hoạt động kể từ ngày 01/01/2001. Đến nay, Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của

Công ty đã đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 06/03/2023 với mã số doanh nghiệp là 0302181666.

Vào ngày 31/12/2022, vốn điều lệ của Công ty là 690.000.000.000 đồng. Tính đến hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 đồng.

2.1. Niêm yết

Ngày 02/01/2002, Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu thứ 11 được chính thức niêm yết và giao dịch tại Trung Tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) nay là Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán : GIL
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện nay: 70.000.000 cổ phiếu

2.2. Các sự kiện quan trọng

- Vốn Điều lệ ban đầu thành lập : 12.000.000.000 (*Mười hai tỷ*) đồng
- Tháng 8/2001 : Công ty nâng vốn Điều lệ lên 17.000.000.000 (*Mười bảy tỷ*) đồng.
- Năm 2003 : Vốn điều lệ của Công ty là 25.500.000.000 (*Hai mươi lăm tỷ năm trăm triệu*) đồng.
- Năm 2005 : Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 45.500.000.000 (*Bốn mươi lăm tỷ năm trăm triệu*) đồng để thực hiện Dự án Cao ốc Văn phòng tại số 24C Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Tháng 9/2007 : Để thực hiện Dự án Xí nghiệp may Tại Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công ty đã huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ lên thành 102.198.810.000 (*Một trăm lẻ hai tỷ một trăm chín mươi tám triệu tám trăm mười ngàn*) đồng.
- Tháng 4/2010 : Công ty chia cổ tức 25% bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2009, tăng Vốn điều lệ từ 102.198.810.000 đồng lên 127.745.880.000 (*Một trăm hai mươi bảy tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn*) đồng.
- Tháng 02/2012 : Phát hành 550.000 cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên Công ty, nâng vốn điều lệ Công ty lên thêm 5.500.000.000 đồng thành 133.245.880.000 (*Một*

trăm ba mươi ba tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn) đồng.

- Tháng 9/2012 : Phát hành 600.000 cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên Công ty, nâng vốn điều lệ Công ty lên 139.245.880.000 (*Một trăm ba mươi chín tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn*) đồng.
- Tháng 10/2018 : Công ty chia cổ tức 37% bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2017, tăng Vốn điều lệ từ 139.245.880.000 đồng lên 190.758.250.000 (*Một trăm chín mươi tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn*) đồng.
- Tháng 06/2019 : Công ty chia cổ tức 21% bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2018, tăng Vốn điều lệ từ 190.758.250.000 đồng lên 230.808.010.000 (*Hai trăm ba mươi tỷ tám trăm lẻ tám triệu không trăm mười nghìn*) đồng.
- Tháng 08/2019 : Công ty phát hành 919.199 cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên Công ty, nâng vốn điều lệ Công ty từ 230.808.010.000 đồng lên thành 240.000.000.000 (*Hai trăm bốn mươi tỷ*) đồng.
- Tháng 06/2020 : Công ty phát hành 12.000.000 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ Công ty từ 240.000.000.000 đồng lên thành 360.000.000.000 (*Ba trăm sáu mươi tỷ*) đồng.
- Tháng 03/2021 : Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 10/03/2021 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Gilimex
- Tháng 09/2021 : Công ty chia cổ tức 20% bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2020, tăng Vốn điều lệ từ 360.000.000.000 đồng lên 432.000.000.000 (*Bốn trăm ba mươi hai tỷ*) đồng.
- Tháng 04/2022 : Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tăng Vốn điều lệ từ 432.000.000.000 đồng lên 600.000.000.000 (*Sáu trăm tỷ*) đồng.
- Tháng 11/2022 : Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Gilimex đã tổ chức Lễ khởi công dự án Khu công nghiệp Gilimex.

- Tháng 09/2022 : Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1050/QĐ-TTg ngày 07/09/2022 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Gilimex – Vĩnh Long.

  Công ty chia cổ tức 15% bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2021, tăng Vốn điều lệ từ 600.000.000.000 đồng lên 690.000.000.000 (*Sáu trăm chín mươi tỷ*) đồng.

- Tháng 01/2023 : Công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tăng Vốn điều lệ từ 690.000.000.000 đồng lên 700.000.000.000 (*Bảy trăm tỷ*) đồng.

2.3. Các mốc phát triển

- Tháng 10/2006 : Khởi công xây dựng Cao ốc văn phòng 24C Phan Đăng Lưu, Bình Thạnh, TP.HCM
- Tháng 10/2007 : Khởi công xây dựng Nhà máy may gia dụng tại Khu Công nghiệp – Tiểu Thủ công nghiệp Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Tháng 08/2008 : Nhà máy may Thạnh Mỹ hoạt động với tên Công ty TNHH một thành viên Thạnh Mỹ, nay là Công ty TNHH May Thạnh Mỹ
- Tháng 01/2010 : Cao ốc văn phòng Gilimex Building đã hoàn thiện và được đưa vào khai thác
- Quý 01/2011 : Hợp tác với Phong Phú phát triển các nhà máy sản xuất tại Miền Trung
- Tháng 02/2013 : Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Chiếu sáng Thái Bình Dương: Sản xuất Đèn trang trí xuất khẩu
- Tháng 03/2013 : Góp vốn thành lập Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh Kim khí Đại Tây Dương: Sản xuất khung kim loại phục vụ cho ngành may gia dụng của Công ty
- Tháng 12/2013 : Chuyển nhượng Công trình Cao ốc văn phòng 24C Phan Đăng Lưu, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Tháng 09/2014 : Chuyển trụ sở chính của Công ty về 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Tháng 08/2016 : Trở thành cổ đông chiến lược sở hữu 25% cổ phần Công Ty Cổ phần Dệt May Gia Định

- Tháng 10/2018 : Công ty tăng Vốn điều lệ từ 139.245.880.000 đồng lên 190.758.250.000 đồng
- Tháng 06/2019 : Công ty tăng Vốn điều lệ từ 190.758.250.000 đồng lên 230.808.010.000 đồng
- Tháng 08/2019 : Công ty tăng Vốn điều lệ từ 230.808.010.000 đồng lên 240.000.000.000 đồng
- Tháng 11/2019 : Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Gilimex
- Tháng 10/2020 : Công ty tăng Vốn điều lệ từ 240.000.000.000 đồng lên 360.000.000.000 đồng
- Tháng 03/2021 : Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 10/03/2021 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Gilimex.
- Tháng 09/2021 : Công ty tăng Vốn điều lệ từ 360.000.000.000 đồng lên 432.000.000.000 đồng.
- Tháng 04/2022 : Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược, tăng Vốn điều lệ từ 432.000.000.000 đồng lên 600.000.000.000 đồng.
- Tháng 09/2022 : Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1050/QĐ-TTg ngày 07/09/2022 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Gilimex – Vĩnh Long.

  Công ty tăng Vốn điều lệ từ 600.000.000.000 đồng lên 690.000.000.000 (*Sáu trăm chín mươi tỷ*) đồng.
- Tháng 01/2023 : Công ty tăng Vốn điều lệ từ 690.000.000.000 đồng lên 700.000.000.000 (*Bảy trăm tỷ*) đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, gia công, thương mại, xuất khẩu các sản phẩm thuộc ngành may.

Địa bàn kinh doanh: Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ.

4. Mô hình quản trị - Tổ chức kinh doanh - Bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình quản lý tập trung với định hướng:

- Hướng về khách hàng;
- Tập trung các chức năng về Tổng Công ty: đàm phán với khách hàng, phát triển sản phẩm, mua hàng, điều phối sản xuất, quản lý chất lượng và nhân sự, quản trị công ty;
- Hiệu quả, linh hoạt với hao phí thấp nhất, chất lượng bảo đảm và giá thành cạnh tranh nhất.

Lợi ích từ việc áp dụng mô hình quản lý tập trung:

- Tập trung được sức mạnh tài chính;
- Tập trung sức mạnh trong việc đàm phán khách hàng và nhà cung cấp;
- Tinh giảm bộ máy để tận dụng nguồn lực và tiết kiệm chi phí.

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị;
- Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

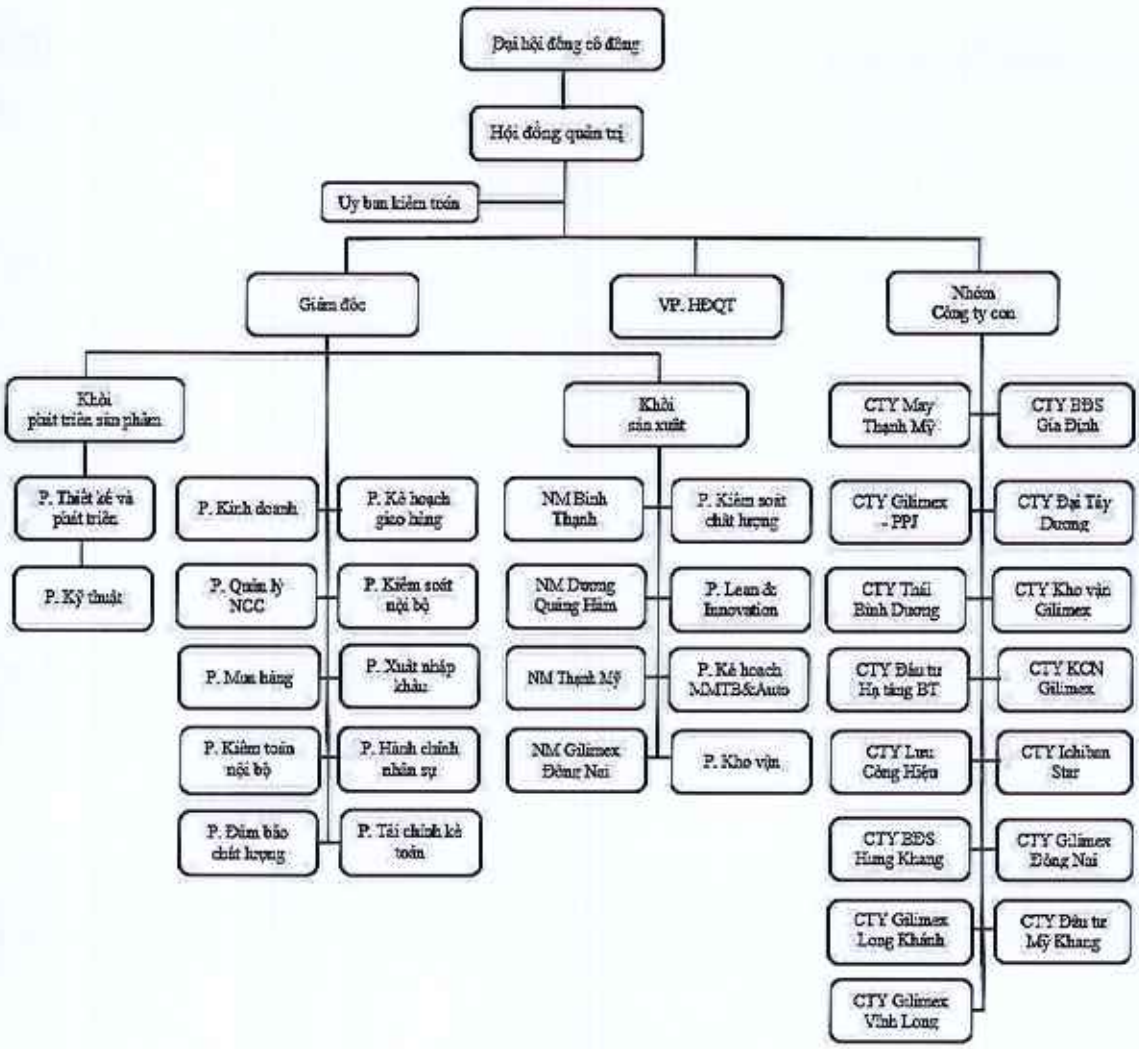

4.3. Các Công ty con và liên kết

4.3.1. Công ty con

❖ **Nhóm Công ty liên quan đến Sản xuất**

Công ty TNHH May Thạnh Mỹ

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: May hàng gia dụng

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%

Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Chiếu sáng Thái Bình Dương

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng

Vốn Điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 99.9%

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Kim khí Đại Tây Dương

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm kim loại

Vốn Điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%

Công ty TNHH MTV Gilimex Đồng Nai

Địa chỉ: 111A, ấp 2A, Xã Xuân Bắc, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm

Vốn Điều lệ: 60.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%

Công ty Cổ Phần Gilimex Long Khánh

Địa chỉ: Đường số 6, KCN Long Khánh, Xã Bình Lộc, Thành phố Long khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các sản phẩm nhựa

Vốn Điều lệ: 30.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 99,97%

Công ty Cổ phần May Hàng Gia dụng GILIMEX – PPJ

Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chính: May trang phục, sản xuất trang phục dệt kim, đan, móc, sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc, kinh doanh tơ, xơ, sợi dệt, vải, phụ liệu may mặc, giày dép

Vốn điều lệ: 130.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 99.45%

❖ **Nhóm Công ty liên quan đến hạ tầng Khu công nghiệp**

Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Gilimex

Địa chỉ: 45 Nguyễn Huệ, Phường Vĩnh Ninh, Tp. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ quản lý các khu công nghiệp

Vốn Điều lệ: 510.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 90%

Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Gilimex Vĩnh Long

Địa chỉ: Số PG2-22, Khóm 1, Phường 4, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp

Vốn Điều lệ: 600.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty mẹ: 30%

Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của công ty mẹ: 58,5%

Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

Địa chỉ: 572 Lê Quang Định, Phường 01, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà ở, tư vấn đầu tư, kinh doanh bất động sản

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%

Công ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex

Địa chỉ: Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp xã Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Kho vận

Vốn Điều lệ: 100.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%

❖ **Nhóm công ty liên quan đến dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp**

Công ty Cổ phần Bất Động Sản Hưng Khang

Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn, môi giới bất động sản

Vốn Điều lệ: 60.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 99,99%

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng BT

Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản

Vốn Điều lệ: 12.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%

Công ty TNHH Lưu Công Hiệu

Địa chỉ: Số 10A2 KDC An Bình, đường Trần Quốc Toản, Khu phố 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, nhà cho thuê

Vốn Điều lệ: 25.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%

Công ty Cổ phần Ichiban Star

Địa chỉ: Số 03, Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp VSIP, Tp. Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng

Vốn Điều lệ: 4.115.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 99,99%

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Mỹ Khang

Địa chỉ: Số 5 Đường Hòa Bình, Khu Đô Thị - Dịch Vụ VSIP Quảng Ngãi, Phường Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn, môi giới bất động sản

Vốn Điều lệ: 85.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 99,99%

4.3.2. Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hoàng An

Địa chỉ: Số 26A3, Đường Tạo Lực 5, KCN Việt Nam – Singapore 2, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Vốn Điều lệ: 6.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty GILIMEX: 35%

5. Định hướng phát triển

5.1. Gilimex sản xuất và công nghiệp

Đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh với mục tiêu trở thành Nhà sản xuất và cung cấp hàng đầu các sản phẩm gia dụng tại Việt Nam, phục vụ cho nhu cầu tối thiểu của cuộc sống con người. Công ty định hướng hoạt động trong các nhóm ngành nghề chính:

- Sản xuất hàng gia dụng và hàng công nghiệp xuất khẩu;
- Hàng may mặc thời trang, balo, túi xách;

- Các sản phẩm khác từ bông, sơ, giấy, nhựa, vải không dệt phục vụ cho thị trường nội địa;
- Thiết bị chiếu sáng và sản phẩm kim loại gia dụng/công nghiệp tự động hóa, cơ khí khí chính xác;

5.2. Gilimex Khu công nghiệp

Gilimex tiếp tục phát triển các khu công nghiệp tại 3 miền Bắc, Trung, Nam để thu hút các nhà sản xuất trong và ngoài nước đầu tư phát triển sản xuất ở Việt Nam.

5.3. Gilimex dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp

Gilimex sẽ đầu tư vào các dịch vụ như nhà xưởng cho thuê, kho cho thuê, dịch vụ logistics,..... để tăng thêm giá trị của chuỗi Khu công nghiệp.

5.4. Mục tiêu về môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy chuẩn do khách hàng yêu cầu, thực hiện đúng quy định về vệ sinh, an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường và các chính sách đối với người lao động. Công ty đã ban hành và luôn cập nhật, truyền đạt đến toàn thể người lao động trong Công ty nhằm thấu hiểu và cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết không sử dụng lao động cưỡng bức và ép buộc lao động trong toàn Công ty;
- Bằng mọi biện pháp ngăn chặn, kiểm soát và giảm thiểu các yếu tố tác động đến môi trường như bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên để giảm tiếng ồn, độ rung và khí thải ra môi trường, phân loại và xử lý chất thải đúng quy định;
- Cam kết thực hiện các chế độ chính sách xã hội, thời gian làm việc, bảng lương, bảng chấm công minh bạch, công khai theo luật định;
- Sử dụng năng lượng hiệu quả, sử dụng năng lượng mặt trời cho một số thiết bị điện, thay thế toàn bộ đèn trong nhà máy bằng đèn LED để tiết kiệm điện, tắt điện khi không sử dụng, điều chỉnh máy móc thiết bị ở mức phù hợp để tránh hao phí điện, giảm thiểu lượng khí CO2 thải ra môi trường gây hiệu ứng nhà kính, ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên như than đá, dầu mỏ;
- Thực hiện phân loại rác thải, trong đó có rác thải công nghiệp được phân riêng, rác thải có thể tái chế để sử dụng lại nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường;
- Phát triển những nhà cung cấp nguyên liệu để từng bước tạo ra sản phẩm mang tính phát triển bền vững bằng cách tận dụng nguyên phụ liệu tái tạo.

6. Các rủi ro đối với Công ty năm 2023 và hoạt động quản trị rủi ro

6.1. Các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Rủi ro về thị trường

Với tình hình kinh tế thế giới có nhiều thay đổi sau đại dịch, Công ty đối mặt với nhiều thách thức: lạm phát, giá nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh. Việc xuất nhập khẩu hàng hóa của Công ty qua các thị trường, đặc biệt là Châu Âu, Mỹ có nhiều biến động trong năm 2023.

b. Rủi ro về nguồn lao động

Ngành sản xuất hàng gia dụng có đặc tính sử dụng nhiều lao động và cần có thời gian để người lao động nâng cao tay nghề. Lực lượng lao động này thường xuyên biến động nhất là thời gian ngay sau Tết Nguyên Đán và sau khi xảy ra đại dịch.

c. Chi phí lương tối thiểu tăng cùng các thay đổi trong chính sách BHXH

Việc tăng mức lương tối thiểu theo giờ và các thay đổi trong chính sách BHXH khiến chi phí lương và BHXH tăng, dẫn đến giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu tăng theo, làm giảm sức cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

d. Rủi ro về hàng tồn kho

Do đặc thù ngành sử dụng nhiều lao động nên việc dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất giao hàng đúng hạn và duy trì sản xuất đảm bảo việc làm cho công nhân là việc cần thiết. Tuy nhiên, khi thị trường biến động xấu hơn dự báo, nhu cầu từ khách hàng giảm đột ngột làm cho đơn hàng giảm, tăng rủi ro về tồn kho lâu ngày, gây ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

e. Rủi ro về biến động giá nguyên liệu

Việc biến động giá nguyên liệu như nhựa, vải, giấy, thép cũng như tỷ giá biến động làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp.

6.2. Hoạt động quản trị rủi ro

Công ty áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro bao gồm:

- Tập trung và quy hoạch chuyên môn hóa các mặt hàng, khách hàng cho từng nhà máy trực thuộc (đặc biệt là các nhà máy ở vùng 3 – 4) nhằm tối ưu hóa sản xuất, hiệu quả chi phí, tăng tính cạnh tranh với thị trường.
- Xây dựng các chính sách phù hợp với tình hình thực tế để giữ người lao động có tay nghề, tối ưu hóa nguồn lao động nhằm góp phần chuẩn bị nguồn lực sau khi kinh tế phục hồi. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực hiện có, kết hợp tổ chức cho người lao động tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao năng lực, đảm bảo cho sự phát triển của Công ty.
- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động xây dựng các kịch bản, chuẩn bị cho mọi tình huống có thể xảy ra, nhất là tác động do giá xăng dầu và giá nguyên vật liệu sản xuất tăng cao, luôn xây dựng các kịch bản ứng phó với nguy cơ đặc biệt là nguy cơ suy thoái kinh tế trong những năm sắp tới.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Công ty

Với hơn 40 năm thành lập và trưởng thành, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên tục phát triển song song với việc mở rộng quy mô đầu tư, xây dựng nhà xưởng mới với hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng những quy chuẩn của khách hàng. Doanh số xuất khẩu trực tiếp từ 2 triệu USD trong những năm đầu thành lập đã đạt đến 125 triệu USD trong năm 2022, thị trường xuất khẩu chủ yếu với thị trường chính là Châu Âu và Mỹ.

Đến nay, Công ty đã khẳng định được vị trí của mình trước công chúng, nhà đầu tư trong và nước ngoài, là một trong những công ty niêm yết hoạt động có hiệu quả, mang lại lợi nhuận cao cho cổ đông, tạo công việc làm ổn định và tăng thu nhập cho hơn 2.100 người lao động của toàn Công ty.

Doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Công ty qua các năm như sau:

Năm	Doanh thu (VNĐ)	Lợi nhuận (VNĐ)	Cổ tức (%)
2018	2.253.630.610.620	163.147.890.814	21
2019	2.538.354.874.201	160.539.411.824	15
2020	3.456.745.184.577	308.824.052.864	30
2021	4.150.320.316.468	330.292.831.965	25
2022	3.166.709.117.208	361.759.037.132	

1.2. Kết quả hoạt động trong năm 2022

Trong năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty tăng trưởng rất tốt nhưng đến 6 tháng cuối năm do ảnh hưởng bởi khủng hoảng, lạm phát, đứt gãy chuỗi cung ứng của kinh tế thế giới nên tình hình xuất bán hàng của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đối với các đơn hàng hiện tại thì Công ty cũng chịu áp lực giảm giá của khách hàng cùng với những quy định khắt khe về tiêu chuẩn, chất lượng, yêu cầu liên tục cải tiến áp dụng tự động hóa vào sản xuất.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Ban điều hành cùng tập thể người lao động, Công ty đã không ngừng vượt khó, tích cực đàm phán với khách hàng để duy trì đơn hàng, doanh thu và lợi nhuận. Đặc biệt là tăng tỷ trọng đơn hàng có biên lợi nhuận cao hơn, đáp ứng yêu cầu đơn hàng và những quy định nghiêm ngặt của khách hàng đối với sản phẩm về chất lượng, an toàn, an ninh, trách nhiệm môi trường và xã hội để đạt được những thành quả tích cực trong sản xuất kinh doanh. Cụ thể, kết quả của Công ty năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022 (VNĐ	Thực hiện 2022 (VNĐ)	Tỷ lệ hoàn thành/kế hoạch (%)
Doanh thu	4.000.000.000.000	3.166.709.117.208	79,17
Lợi nhuận sau thuế	250.000.000.000	361.759.037.132	144,70

So với các chỉ tiêu và mục tiêu kế hoạch năm 2022 do Đại hội đồng cổ đông Công ty đề ra thì chỉ tiêu về doanh thu đạt 79,17%, lợi nhuận sau thuế đạt 144,7% vượt kế hoạch đã đề ra.

Nguyên nhân chính doanh thu chưa đạt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra là do 6 tháng cuối năm 2022 rơi vào giai đoạn thấp điểm giao hàng nên sản lượng xuất bán hàng giảm. Mặc dù doanh thu giảm nhưng lợi nhuận năm 2022 đạt 144,7% vượt kế hoạch là do lợi nhuận của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động đầu tư tài chính. Mặc khác, song song với việc phát triển sản phẩm và tìm kiếm khách hàng, Công ty đã luôn tổ chức mua hàng hiệu quả, tìm nhà cung cấp có giá cạnh tranh, cải tổ lại các phòng ban trong Công ty theo hướng tiết kiệm, giảm hao hụt nguyên phụ liệu trong sản xuất, nghiên cứu và thực hiện các cải tiến trong sản xuất và chất lượng, tăng năng suất lao động, v..v... Kết quả của các hoạt động trên đã làm tăng hiệu quả của toàn hệ thống.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Giám đốc Công ty

Họ và tên : PHẠM THỊ ÁNH NGUYỆT

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ : 40.000 cổ phiếu phổ thông GIL (tại ngày ĐKCC 28/03/2023) - chiếm tỷ lệ 0,06% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty

Kinh nghiệm làm việc : 22 năm

Kế toán trưởng

Họ và tên : NGUYỄN THỊ MINH HIẾU

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

Số cổ phần nắm giữ : 330.966 cổ phiếu phổ thông GIL (tại ngày ĐKCC 28/03/2023) - chiếm tỷ lệ 0,47% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty

Kinh nghiệm làm việc : 18 năm

2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành:

Ngày	Nghị quyết/Quyết định	Nội dung
14/09/2022	Số 28/2022/NQ-HĐQT	- Miễn nhiệm chức danh Giám đốc công ty của ông Phạm Văn Tàu kể từ ngày 14/09/2022 - Bổ nhiệm bà Phạm Thị Ánh Nguyệt giữ chức danh Giám đốc công ty kể từ ngày 14/09/2022

2.3. Số lượng CBCNV của Công ty

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 2.154 người. Trong đó, Công ty mẹ là 762 người và các công ty con là 1.392 người.

2.4. Các chính sách của Công ty đối với người lao động

Tại Công ty, vai trò của người lao động là cực kỳ quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty. Chính vì vậy, Công ty luôn xem việc xây dựng các chính sách, chế độ phúc lợi, công tác đào tạo, phát triển tối đa năng lực của người lao động là một trong những công việc quan trọng góp phần vào sự thành công của Công ty. Trên cơ sở này, Công ty đã và đang thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động để họ có thể đáp ứng được nhu cầu công việc ngày càng cao và phát triển sự nghiệp trong tương lai. Cụ thể:

Về chế độ phúc lợi, đảm bảo an toàn, sức khỏe lao động cho toàn thể nhân viên:

- Luôn đảm bảo an toàn cho người lao động tại nơi làm việc nói chung và trong sản xuất nói riêng (cụ thể: trang bị đồng phục, đầy đủ bảo hộ lao động; mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể người lao động; tổ chức các đợt tập huấn về an toàn lao động; phối hợp với Liên đoàn lao động quận tổ chức các hội thao nhằm xây dựng lối sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe cho người lao động;….).
- Hỗ trợ chi phí cho hộ gia đình có con ở lứa tuổi gửi trẻ, mẫu giáo, có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, trợ cấp nhà trọ, phụ cấp cơm trưa, thâm niên, tiền gửi xe đi làm đối với người lao động phải không gửi xe tại Công ty.
- Giảm thời gian làm việc, được nghỉ ngơi hoặc trả thêm tiền lương nếu không nghỉ ngơi trong giờ làm việc theo quy định pháp luật đối với lao động nữ khi mang thai, có con dưới 1 tuổi làm nghề, công việc thuộc/không thuộc các danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Thực hiện chế độ thưởng vào các ngày Lễ, Tết, chế độ nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động.

Về điều kiện môi trường làm việc:

- Công ty luôn rà soát, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tạo không khí thoáng mát, môi trường làm việc tốt cho người lao động, đặt biệt trong sản xuất như chỉnh trang lại các nhà xưởng.

- Tạo môi trường tập luyện sức khỏe có sẵn trong Công ty để người lao động có thể cân bằng được thời gian chăm sóc sức khỏe.
- Phát động các phong trào thi đua thúc đẩy tăng năng suất, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Khen thưởng cho các tập thể và cá nhân lao động giỏi, tập thể và cá nhân xuất sắc và thưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh cho toàn thể người lao động vào dịp cuối năm để khích lệ tinh thần làm việc của người lao động.

Về đào tạo và phát triển kỹ năng hỗ trợ cho người lao động:

- Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là một trong những mục tiêu xuyên suốt trong quá trình hoạt động và phát triển của Công ty. Trong năm 2022, Công ty đã tiến hành đào tạo được nhiều vị trí từ công nhân, nhân viên lên Tổ trưởng/Nhóm trưởng, và các vị trí Nhóm trưởng/Tổ trưởng giữ các chức Phó Kho, Phó Quản đốc, Giám Đốc nghiệp vụ.
- Công ty luôn đẩy mạnh công tác phát triển đội ngũ kế thừa.
- Thực hiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng việc tổ chức đào tạo bên trong và bên ngoài Công ty. Khảo sát người lao động về nhu cầu đào tạo để tạo điều kiện tối đa cho người lao động tham gia, nâng cao trình độ nghiệp vụ nhằm mang lại hiệu quả cao trong công việc.
- Công ty thường xuyên rà soát, đánh giá công tác đào tạo nhân viên của cán bộ quản lý. Truyền tải tinh thần tôn trọng và hỗ trợ tối đa đối với nhân viên có ý chí cầu tiến, ham học hỏi, phát triển bản thân, đặc biệt luôn có những ý tưởng mới, sáng tạo trong công việc.

Những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Đã điều chỉnh tăng lương tối thiểu phù hợp với quy định của Nhà nước.
- Thay đổi đối tượng áp dụng các chính sách về trợ cấp chi phí nhà trọ, con nhỏ, gửi trẻ định kỳ hàng tháng từ lao động nữ sang hộ gia đình.

3. Tình hình đầu tư và tình hình thực hiện các dự án năm 2022

3.1. Các khoản đầu tư lớn năm 2022

Stt	Khoản đầu tư	Giá trị (VNĐ)	Nội dung
1	Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu Tư Mỹ Khang	80.000.000.000	Góp vốn vào Công ty con theo phương án sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 thông qua
2	Góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản Hưng Khang	46.000.000.000	
Tổng cộng		**126.000.000.000**	

3.2. Tình hình thực hiện các dự án lớn

3.2.1. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Gilimex

Tình hình thực hiện các thủ tục hồ sơ pháp lý:

- Ngày 10/03/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 319/QĐ-TTg về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Gilimex, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế với các nội dung chủ yếu như sau:

+ Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Gilimex
+ Tên dự án: đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Gilimex
+ Mục tiêu dự án: đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp
+ Quy mô sử dụng đất của dự án: 460.85 ha
+ Địa điểm thực hiện dự án: phường Phú Bài và xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế
+ Tổng vốn đầu tư của dự án: 2.614 tỷ đồng, trong đó vốn góp của nhà đầu tư là 392.17 tỷ đồng
+ Thời hạn thực hiện dự án: 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Sau khi được Thủ Tướng Chính Phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, dự án đã hoàn thành tất cả các thủ tục liên quan đến pháp lý để thực hiện dự án, cụ thể như: chuyển đổi mục đích sử dụng đất, báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm duyệt PCCC, hoàn thiện ký hợp đồng thuê đất để thực hiện dự án, cấp phép xây dựng đối với toàn bộ diện tích đất đã thuê và một số thủ tục pháp lý khác có liên quan đến dự án.

Tình hình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư: tính đến hiện tại, căn cứ theo các quyết định phê duyệt thu hồi đất của UBND địa phương, công tác đền bù và bàn giao mặt bằng cho công ty đã hoàn thành được 88,5%.

Tình hình triển khai công tác thi công xây dựng:

- Công tác triển khai thi công tại Phân khu A: hiện đang được triển khai theo đúng tiến độ được phê duyệt theo Giấy chứng nhận đầu tư. Dự kiến hoàn thành xây dựng hạ tầng vào đầu quý 2 năm 2023.

- Công tác triển khai, chuẩn bị thi công tại Phân khu B: dự kiến hoàn thành vào Quý 4 năm 2023.

Những kết quả đạt được nổi trội so với tiến độ

- Hoàn thành cơ bản công tác giải phóng mặt bằng trên toàn bộ diện tích của dự án, đạt 88,5% trên tổng diện tích.
- Công tác xây dựng đội ngũ vận hành đã hoàn thiện, tuyển dụng đủ các vị trí chủ chốt nhằm đáp ứng tiến độ dự án.

Kế hoạch năm 2023 và các mục tiêu trọng điểm lớn của dự án:

- Hoàn thành 100% công tác giải phóng mặt bằng trong Quý 2/2023.
- Hoàn thành công tác thi công xây dựng, đưa Phân khu A đi vào vận hành vào Quý 4/2023.
- Hoàn thành 100% công tác thi công xây dựng đối với Phân kỳ 1 - Phân khu B và đưa vào vận hành trong Quý 4/2023.

3.2.2. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long

Tình hình thực hiện các thủ tục hồ sơ pháp lý:

- Ngày 07/09/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1050/QĐ-TTg về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long với các nội dung chủ yếu như sau:

+ Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long
+ Tên dự án: đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long
+ Mục tiêu dự án: đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp
+ Quy mô dự án và địa điểm thực hiện dự án: khoảng 400ha tại thị trấn Tân Quới và xã Thạnh Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
+ Thời hạn thực hiện dự án: 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án.

- Ngày 07/10/2022, UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định đổi tên khu công nghiệp Bình Tân thành khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long.
- Ngày 13/01/2023, UBND tỉnh Vĩnh Long phê duyệt phương án phân kỳ đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long. Trong đó:

+ Giai đoạn 1 – 255ha nằm trên địa bàn xã Thành Lợi;
+ Giai đoạn 2 – 145ha nằm trên phần diện tích còn lại của xã Thành Lợi và thị trấn Tân Quới.

- Ngày 16/3/2023 Ban Quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2100322410 của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ

tầng khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1 – 255 ha cho Công ty Cổ phần khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long.

- Hiện nay, Công ty Cổ phần khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long đang tiếp tục thực hiện các thủ tục hồ sơ pháp lý khác của dự án trong năm 2023.

Kế hoạch năm 2023 và những năm tiếp theo:

- Hoàn thành lập và trình Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo nghiên cứu khả thi trong Quý 2 – 3/2023.
- Hoàn thành nộp hồ sơ xin cấp phép xây dựng và khởi công dự án trong năm 2023.
- Hoàn thành giải phóng mặt bằng đất nông nghiệp, đất ở, bố trí tái định cư cho người dân năm 2023 đến Quý 1/2024.
- Triển khai thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật từ Quý 3/2023.

4. Báo cáo hoạt động công ty con và công ty liên kết

Tính đến năm 2022, Công ty có 14 công ty con đầu tư trực tiếp, 01 công ty con đầu tư gián tiếp và 01 công liên kết.

Stt	Tên công ty	Vốn điều lệ *(Triệu đồng)*	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ		Quyền biểu quyết của công ty mẹ
				Trực tiếp	Gián tiếp	
A. Công ty con đầu tư trực tiếp						
1	Công ty TNHH May Thạnh Mỹ	60.000	May hàng gia dụng	100%		100%
2	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Chiếu sáng Thái Bình Dương	20.000	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	99.90%		99.90%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Kim khí Đại Tây Dương	20.000	Sản xuất sản phẩm kim loại	100%		100%
4	Công ty TNHH MTV Gilimex Đồng Nai	60.000	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	100%		100%
5	Công ty Cổ Phần Gilimex Long Khánh	30.000	Sản xuất các sản phẩm nhựa	99.97%		99.97%
6	Công ty Cổ phần May Hàng Gia	130.000	Sản xuất may mặc	99.45%		99.45%

	dụng GILIMEX – PPJ					
7	Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Gilimex	510.000	Dịch vụ quản lý các khu công nghiệp	90.00%		90.00%
8	Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định	35.000	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà ở, tư vấn đầu tư, kinh doanh bất động sản	100.00%		100.00%
9	Công ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex	100.000	Kho vận	100.00%		100.00%
10	Công ty Cổ phần Bất Động Sản Hưng Khang	60.000	Tư vấn, môi giới bất động sản	99.99%		99.99%
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng BT	12.000	Kinh doanh bất động sản	100.00%		100.00%
12	Công ty TNHH Lưu Công Hiệu	25.000	Kinh doanh bất động sản, nhà cho thuê	100.00%		100.00%
13	Công ty Cổ phần Ichiban Star	4.115	Kinh doanh dịch vụ nhà hàng	99.99%		99.99%
14	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Mỹ Khang	85.000	Tư vấn, môi giới bất động sản	99.99%		99.99%
B. Công ty con đầu tư gián tiếp						
15	Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Gilimex Vĩnh Long	600.000	Xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	30.00%	58.50%	88.50%
C. Công ty liên kết						
16	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hoàng An	6.000	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	35.00%		35.00%

Năm 2022, Công ty tiếp tục tập trung vào mảng kinh doanh cốt lõi là sản xuất hàng gia dụng và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp. Vì vậy, các công ty con và liên kết của Công ty tập trung vào lĩnh vực sản xuất, bất động sản khu công nghiệp và dịch

vụ phục vụ cho khu công nghiệp. Các công ty con đã thực hiện tốt các dự án đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị và đã có những đóng góp lớn vào doanh thu, lợi nhuận năm 2022 của Công ty. Tính đến năm 2022, tổng giá trị đầu tư vào công ty con, công ty liên kết đạt 1.257 tỷ đồng, đầu tư vào chứng khoán kinh doanh 64 tỷ đồng.

5. Tình hình tài chính

5.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	3.765.800.622.277	3.988.337.367.283	5,91%
Doanh thu thuần	4.150.320.316.468	3.166.673.905.752	-23,70%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	432.000.899.050	458.857.643.310	6,22%
Lợi nhuận khác	1.335.612.345	43.162.627	-96,77%
Lợi nhuận trước thuế	433.336.511.395	458.900.805.937	5,90%
Lợi nhuận sau thuế	330.292.831.965	361.759.037.132	9,53%
Tỷ lệ lợi nhuận 2021 trả cổ tức	25%		

5.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2021	2022	% Tăng/Giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,51	2,63	111,37%
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	1,15	1,68	53,03%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,55	0,47	-8,36%
- Hệ số Nợ/ Vốn Chủ sở hữu	2,23	1,88	-35,11%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	6,58	3,16	-3,42
- Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	1,28	0,82	-0,47%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,97%	11,41%	3,45%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	20,53%	14,39%	-6,14%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,78%	9,06%	0,28%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,10	0,14	39,21%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Các chỉ số thể hiện khả năng thanh toán của Công ty đều có xu hướng tang mạnh so với năm 2021. Nhìn chung khả năng thanh toán của Công ty được đảm bảo và tình hình tài chính của Công ty ổn định và an toàn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Hệ số đòn bẩy năm 2022 là 1,88 giảm 35,11% so với năm 2021. Hệ số nợ năm 2022 là 0,47 giảm 8,36% so với năm 2021. Nguyên nhân do tỷ trọng nợ phải trả giảm 31,49% so với năm 2021; đồng thời tổng nguồn vốn tăng và tổng nợ phải trả giảm. Nhìn chung cơ cấu nguồn vốn và tài sản năm 2022 tiếp tục cho thấy tình hình tài chính của công ty ổn định và an toàn.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Vòng quay hàng tồn kho giảm so với năm 2021, nguyên nhân trong năm 2022 công ty tập trung cho mảng xây dựng hạ tầng khu công nghiệp. Hiệu suất sử dụng tài sản giảm nhẹ so với năm 2021. Giá trị tài sản trong giai đoạn 2021-2022 tăng cao hơn giai đoạn 2020-2021, nhưng công ty vẫn duy trì hiệu suất hoạt động ổn định.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) năm 2022 đạt 11,41%, tăng 3,45% so với năm 2021. Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA) năm 2022 đạt 9,06%, tăng 0,28% so với năm 2021. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2022 đạt 14,39%, giảm 6,14% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế tăng nhưng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tăng cao hơn nên thu nhập trên cổ phần thường (EPS) năm 2022 là 6.727 đồng, giảm 2.238 đồng so với năm 2021. Nhìn chung, các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động đều tăng so với năm 2021.

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1. Cổ phần

Số cổ phiếu đang lưu hành	:	70.000.000 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	:	714 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	:	52.159.615 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	:	17.840.385 cổ phiếu

6.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 28/03/2023

Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông lớn/cổ đông nhỏ:

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông lớn	10.950.089	15,64%
2	Cổ đông nhỏ	59.049.911	84,36%
Tổng cộng		**70.000.000**	**100,00%**

Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông tổ chức/cổ đông cá nhân:

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông tổ chức	6.267.486	8,95%
2	Cổ đông cá nhân	63.732.514	91,05%
Tổng cộng		**70.000.000**	**100,00%**

Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông trong nước/cổ đông nước ngoài:

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông trong nước	68.250.435	97,50%
1.1	*Cá nhân*	*62.794.385*	89,71%
1.2	*Tổ chức*	*5.456.050*	7,79%
2	Cổ đông nước ngoài	1.749.565	2,50%
2.1	*Cá nhân*	*938.129*	1,34%
2.2	*Tổ chức*	*811.436*	1,16%
Tổng cộng		**70.000.000**	**100,00%**

Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông nhà nước/cổ đông khác:

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông nhà nước	-	-
2	Cổ đông khác	70.000.0000	100%
Tổng cộng		**70.000.0000**	**100%**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty: 50% (theo Công văn số 9090/UBCK-PTTT ngày 31/12/2021 về việc chấp thuận tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty).

6.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn Điều lệ ban đầu thành lập : 12.000.000.000 (*Mười hai tỷ*) đồng.

Tháng 8/2001 : Công ty nâng vốn Điều lệ lên 17.000.000.000 (*Mười bảy tỷ*) đồng.

Năm 2003 : Vốn điều lệ của Công ty là 25.500.000.000 (*Hai mươi lăm tỷ năm trăm triệu*) đồng.

Năm 2005	: Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 45.500.000.000 (*Bốn mươi lăm tỷ năm trăm triệu*) đồng để thực hiện Dự án Cao ốc Văn phòng tại số 24C Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
Tháng 9/2007	: Để thực hiện Dự án Xí nghiệp may Tại Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công ty đã huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ lên thành 102.198.810.000 (*Một trăm lẻ hai tỷ một trăm chín mươi tám triệu tám trăm mười ngàn*) đồng.
Tháng 4/2010	: Công ty chia cổ tức 25% bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2009, tăng Vốn điều lệ từ 102.198.810.000 đồng lên 127.745.880.000 (*Một trăm hai mươi bảy tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn*) đồng.
Tháng 02/2012	: Phát hành 550.000 cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên Công ty, nâng vốn điều lệ Công ty lên thêm 5.500.000.000 đồng thành 133.245.880.000 (*Một trăm ba mươi ba tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn*) đồng.
Tháng 9/2012	: Phát hành 600,000 cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên Công ty, nâng vốn điều lệ Công ty lên 139.245.880.000 (*Một trăm ba mươi chín tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn*) đồng.
Tháng 10/2018	: Công ty chia cổ tức 37% bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2017, tăng Vốn điều lệ từ 139.245.880.000 đồng lên 190.758.250.000 (*Một trăm chín mươi tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn*) đồng.
Tháng 06/2019	: Công ty chia cổ tức 21% bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2018, tăng Vốn điều lệ từ 190.758.250.000 đồng lên 230.808.010.000 (*Hai trăm ba mươi tỷ tám trăm lẻ tám triệu không trăm mười nghìn*) đồng.
Tháng 08/2019	: Công ty phát hành 919.199 cổ phiếu thưởng cho CBCNV Công ty, nâng vốn điều lệ Công ty từ 230.808.010.000 đồng lên thành 240.000.000.000 (*Hai trăm bốn mươi tỷ*) đồng.

Tháng 06/2020	: Công ty phát hành 12,000,000 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ Công ty từ 240.000.000.000 đồng lên thành 360.000.000.000 (*Ba trăm sáu mươi tỷ*) đồng.
Tháng 09/2021	: Công ty phát hành 7,200,000 cổ phiếu để trả cổ tức (tỷ lệ 20%) cho cổ đông, tăng Vốn điều lệ từ 360,000,000,000 đồng lên thành 432,000,000,000 (*Bốn trăm ba mươi hai tỷ*) đồng.
Tháng 04/2022	: Công ty phát hành 16.800.000 cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, tăng Vốn điều lệ từ 432.000.000.000 đồng lên 600.000.000.000 (*Sáu trăm tỷ*) đồng.
Tháng 09/2022	: Công ty phát hành 90.000.000 cổ phiếu để trả cổ tức (tỷ lệ 15%) cho cổ đông, tăng Vốn điều lệ từ 600.000.000.000 đồng lên 690.000.000.000 (*Sáu trăm chín mươi tỷ*) đồng.
Tháng 01/2023	: Công ty hoàn thành phát hành 1.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tăng Vốn điều lệ từ 690.000.000.000 đồng lên 700.000.000.000 (*Bảy trăm tỷ*) đồng.

6.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2022:

- Thời điểm giao dịch: ngày 12/09/2022 (mua cổ phiếu lẻ của đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức)
- Số lượng cổ phiếu quỹ giao dịch: 714 cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 714 cổ phiếu

6.5. Chứng khoán khác

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện các đợt phát hành cổ phiếu như sau:

6.5.1. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược

Tên cổ phiếu phát hành	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh
Mã chứng khoán	: GIL
Mệnh giá	: 10,000 đồng/cổ phiếu
Số cổ phiếu trước khi phát hành	: 43.200.000 cổ phiếu phổ thông
Trong đó, số cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
Số cổ phiếu đã phát hành	: 16.800.000 cổ phiếu
Loại cổ phiếu phát hành	: cổ phiếu phổ thông

Mục đích phát hành	: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021
Ngày hoàn thành việc phát hành	: 22/04/2022
Số cổ đông được phân phối	: 36 cổ đông
Tổng số cổ phiếu sau khi phát hành	: 60.000.000 cổ phiếu
Trong đó, số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
Ngày giao dịch cổ phiếu phát hành	: 23/04/2025

6.5.2. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Tên cổ phiếu phát hành	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh
Mã chứng khoán	: GIL
Mệnh giá	: 10,000 đồng/cổ phiếu
Số cổ phiếu trước khi phát hành	: 60.000.000 cổ phiếu phổ thông
Trong đó, số cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
Số cổ phiếu đã phát hành	: 8.999.286 cổ phiếu
Loại cổ phiếu phát hành	: cổ phiếu phổ thông
Mục đích phát hành	: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tỷ lệ 15% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Ngày chốt danh sách cổ đông	: 12/09/2022
Số cổ đông được phân phối	: 7.210 cổ đông
Tổng số cổ phiếu sau khi phát hành	: 69.000.000 cổ phiếu
Trong đó, Số lượng cổ phiếu quỹ	: 714 cổ phiếu
Ngày giao dịch cổ phiếu phát hành	: 25/10/2022

6.5.3. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

Tên cổ phiếu phát hành	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh
Mã chứng khoán	: GIL
Mệnh giá	: 10,000 đồng/cổ phiếu
Số cổ phiếu trước khi phát hành	: 69.000.000 cổ phiếu phổ thông
Trong đó, số cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
Số cổ phiếu đã phát hành	: 1.000.000 cổ phiếu
Loại cổ phiếu phát hành	: cổ phiếu phổ thông

Mục đích phát hành : Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Ngày hoàn thành việc phát hành : 11/01/2023

Số cổ đông được phân phối : 53 cổ đông

Tổng số cổ phiếu sau khi phát hành: 70.000.000 cổ phiếu

Trong đó, số lượng cổ phiếu quỹ : 714 cổ phiếu

Ngày giao dịch cổ phiếu phát hành : 12/01/2024

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

7.1. Tác động lên môi trường:

7.1.1. Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trong năm 2022: 252,453kg

7.1.2. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Mua IREC và tận dụng tối đa mái nhà lắp đặt hệ thống điện mặt trời để tăng lượng điện sử dụng có nguồn gốc từ năng lượng tái tạo.

Lắp hệ thống pin năng lượng mặt trời, tạo ra sản lượng 51% điện tái tạo trong nhà máy.

Theo dõi số lượng điện tiêu thụ hàng tháng nhằm giám sát lượng điện năng tiêu thụ và có biện pháp can thiệp kịp thời nếu cần.

Ban hành chính sách môi trường của công ty.

Thực hiện đúng yêu cầu của pháp luật về đo kiểm môi trường định kỳ, báo cáo môi trường định kỳ, nộp phí bảo vệ môi trường đúng quy định.

Bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ, bảo dưỡng xe định kỳ.

Các biện pháp khác: bố trí hợp lý xe vận chuyển ra vào luân phiên phục vụ cho nhu cầu đưa đón CBCNV, vận chuyển hàng hóa; phân loại và lưu trữ riêng rác tái chế và không tái chế, phối hợp nhà thầu xử lý rác đúng quy định, ưu tiên tăng lượng chất thải tái chế; tách rời hệ thống nước mưa và nước thải sinh hoạt, vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình và ghi chép nhật ký vận hành hàng ngày.

Tuyên truyền, nhắc nhở người lao động về ý thức bảo vệ môi trường.

7.1.3. Tình hình thực hiện các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội của Công ty

Công ty vẫn duy trì nghiêm túc tuân thủ các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội của Công ty bao gồm:

- Chính sách môi trường;
- Chính sách phát triển bền vững;
- Quy trình quản lý chất thải;
- Quy trình quản lý hóa chất;
- Chính sách an toàn sức khỏe;

- Quy tắc ứng xử;
- Thỏa ước lao động tập thể.

Công ty lập kế hoạch sử dụng điện của công ty mục tiêu đến năm 2025 đạt 100% năng lượng tái tạo.

7.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu là vải, vải kết hợp với nhựa. Trong đó:

Vải các loại	Mét	33.594.327
Mousse các loại	Mét	5.257.156
Chỉ may	Cuộn	760.390
Nhãn	Cái	62.361.205
Nhựa PP	Tấn	23.121
Nhựa Pet	Tấn	376
Giấy	Tấn	5.285

Tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế để Công ty sử dụng lại sản xuất sản phẩm: 0%

7.3. Tiêu thụ năng lượng

Tổng lượng điện tiêu thụ năm 2022: 726.502 kwh – giảm 5% so với năm 2021.

Trong năm 2022, Công ty đã tiếp tục triển khai các sáng kiến tiết kiệm năng lượng điện và đạt được hiệu quả lượng điện tiêu thụ năm 2022 giảm 5% so với năm 2021. Cụ thể:

- Duy trì hệ thống pin năng lượng mặt trời, tạo ra sản lượng 51% điện tái tạo trong nhà máy.
- Theo dõi số lượng điện tiêu thụ hàng tháng nhằm giám sát lượng điện năng tiêu thụ và có biện pháp can thiệp kịp thời nếu cần.
- Rà soát thường xuyên việc thực hiện quy định sử dụng hợp lý các thiết bị sử dụng điện, ngắt thiết bị điện khi không sử dụng.
- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện toàn Công ty để đảm bảo hiệu suất cung cấp điện tối đa.
- Luôn khuyến khích người lao động đưa ra các sáng kiến để tiết kiệm năng lượng điện và có các chính sách hợp lý cho người đưa ra các sáng kiến.

7.4. Tiêu thụ nước

Tổng lượng tiêu thụ nước năm 2022: 5.797m3 - giảm 23% so với năm 2021. Nguồn cung cấp nước chủ yếu là nước thủy cục.

Toàn bộ lượng tiêu thụ nước năm 2022 chỉ dùng cho mục đích sinh hoạt của Công ty. Lượng nước tiêu thụ năm 2022 giảm mạnh 23% so với năm 2021 nguyên nhân là do Công ty không còn tổ chức phương án sản xuất 3 tại chỗ, tái cơ cấu nguồn nhân

lực dẫn đến số lượng người lao động có giảm nhẹ nên nhu cầu sử dụng nước cũng giảm. Mặc khác, Công ty cũng thường xuyên tuyên truyền, phổ biến người lao động sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm tối đa nhất có thể.

7.5. Nước thải ra môi trường

Tổng lượng nước thải năm 2022: 4.816m3 – giảm 17% so với năm 2021.

Tỷ lệ tái sử dụng: 0%

7.6. Rác thải

Tổng lượng rác thải năm 2022: 277.157kg - giảm 16% so với năm 2021.

Rác thải được phân loại để có thể tái chế: 29% - giảm 32% so với năm 2021.

7.7. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty tuân thủ đúng quy định về xử lý nước thải, phân loại rác thải và bảo vệ môi trường. Do đó, Công ty chưa vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7.8. Chính sách liên quan đến người lao động

7.8.1. Số lượng lao động

Tổng số lao động của Công ty là 2.154 người. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2022 là 8.800.000 triệu đồng/người/tháng.

7.8.2. Các chính sách đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động

Khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp cho người lao động: 2 lần/năm

Xét nghiệm nước uống: 4 lần/năm

Đo môi trường lao động: 1 lần/ năm

Đo môi trường xung quanh: 2 lần/ năm

Đo kiểm nước thải: 4 lần/năm

Bồi dưỡng bằng hiện vật cho công nhân những khu vực nóng, tiếng ồn, bụi: hàng tuần

Trang bị bảo hộ lao động theo quy định.

Mua bảo hiểm tai nạn, rủi ro cho toàn bộ người lao động: hàng tháng.

Chi trả chế độ tại nạn cho người lao động đúng quy định: trong vòng 3 ngày kể từ ngày công ty nhận đầy đủ hồ sơ (giấy ra viện, đơn thuốc, hóa đơn VAT, ...).

Thực hiện tổ chức đăng ký tiêm vắc xin phòng Covid 19 cho toàn thể người lao động của công ty.

Cho người lao động nữ có thai/nuôi con dưới 12 tháng được nghỉ ngơi/giảm giờ làm việc hàng ngày theo quy định.

7.8.3. Hoạt động đào tạo người lao động

Số giờ người lao động tham gia đào tạo do bên ngoài đào tạo: 48 giờ/người/năm.

Số giờ người lao động tham gia đào tạo do nội bộ đào tạo: 6 giờ/người/năm. Mục đích nhằm đào tạo cho người lao động nắm rõ quy định, quy trình của Công ty và

khách hàng, tạo điều kiện các phòng ban trao đổi chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

7.9. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Năm 2022, Công ty đã tham gia nhiều hoạt động cộng đồng nhằm đóng góp vào các hoạt động chung của xã hội như: tài trợ học bổng năm 2021 cho Trường Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh, ủng hộ thẻ BHXH cho người có hoàn cảnh khó khăn tại địa bàn Quận Bình Thạnh, ủng hộ đồng bào nghèo xã Nghĩa Dõng TP. Quảng Ngãi.

7.10. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN : Công ty không tham gia hoạt động này trong năm 2022.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2022

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 (hợp nhất) của Công ty như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% thực hiện năm 2022 so với Kế hoạch 2022	Tỷ lệ tăng/giảm thực hiện 2022 so với 2021
1	Doanh thu hợp nhất	4.150.320	4.000.000	3.166.709	79,17%	-23,70%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (LNTT)	330.293	250.000	361.759	144,70%	9,53%
3	% LNST/Tổng doanh thu	7,96%	6,25%	11,42%	182,78%	43,55%
4	Cổ tức	25%	15 - 30%			

Doanh thu hợp nhất năm 2022 cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	4.139.177	3.160.257
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.886	6.452
3	Doanh thu hoạt động tài chính	85.092	445.633
4	Thu nhập khác	8.321	4.251
Tổng cộng		**4.238.476**	**3.616.593**

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng toàn cầu, 6 tháng cuối năm 2022 là mùa thấp điểm giao hàng nên sản lượng bán sụt giảm dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 đạt 3.167 tỷ đồng tương đương 79,17% so với kế hoạch và giảm 23,7% so với năm 2021. Tuy nhiên, doanh thu hoạt động tài chính năm 2022 đạt 445 tỷ đồng, tăng 423,71% so với năm 2021. Thu nhập khác năm 2022 đạt 4,2 tỷ đồng, giảm 48,91% so với năm 2021. Mặc dù doanh thu năm 2022 giảm so với năm 2021 nhưng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2022 đạt 458.85 tỷ đồng tăng 6,22% so với năm 2021. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2022 đạt 458.9 tỷ đồng tăng 5,9% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đạt 361.39 tỷ đồng tăng 9,3% so với năm 2021. Một trong những nguyên nhân dẫn đến đạt được kết quả lợi nhuận

năm 2022 là Công ty đã không ngừng nỗ lực để thực hiện chiến lược và kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cụ thể:

- Ngành may hàng gia dụng và công nghiệp vận hành tối đa công suất chuyền may của các nhà máy toàn hệ thống để tối ưu hóa sản xuất phù hợp với tình hình hiện nay.
- Nhà máy sản xuất thiết bị chiếu sáng và nhà máy kim loại là một trong những công ty thành viên góp phần lớn vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022. Cụ thể:

+ Nhà máy sản xuất thiết bị chiếu sáng: năng suất sản phẩm chao đèn bình quân tăng 8,2% với năm 2021, lợi nhuận đạt 100% so với kế hoạch năm 2022 và tăng 113% so với năm 2021. Công ty đã không ngừng xây dựng được đội ngũ nhân lực có năng lực, trình độ cao cho ngành thiết bị chiếu sáng và hàng gia dụng của Công ty.
+ Nhà máy kim loại: sản xuất các sản phẩm kim loại phục vụ ngành sản xuất sản phẩm gia dụng của Công ty và cũng đã đóng góp vào lợi nhuận và đáp ứng nhu cầu phụ kiện kim loại cho ngành may gia dụng của Công ty.

- Ban Điều hành đã không ngừng thúc đẩy sản xuất đạt tối đa hóa công suất, theo dõi đơn hàng, tìm kiếm các đơn hàng mới ngay khi có dấu hiệu sụt giảm đơn hàng hiện tại, tối đa hóa nguồn lực hiện có, siết chặt tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí. Tình hình chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ tăng/giảm năm 2022 so với năm 2021
1	Giá vốn hàng bán	3.395.858	2.671.500	-21,33%
2	Chi phí tài chính	62.962	236.152	275,07%
3	Chi phí bán hàng	155.965	61.437	-60,61%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	156.289	184.320	17,94%
5	Chi phí khác	6.986	4.208	-39,77%

Công ty đã không ngừng rà soát, áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí tối đa nhằm gia tăng lợi nhuận theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Theo đó, giá vốn hàng bán năm 2022 là 2.671 tỷ đồng, giảm 21,33% so với năm 2021. Tỷ lệ giảm của giá vốn hàng bán phù hợp với tỷ lệ giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng năm 2022 là 61.43 tỷ đồng, giảm 60,61% so với năm 2021. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 là 184.32 tỷ đồng, tăng 17,94% so với năm 2021. Chi phí tài chính năm 2022 là 236.15 tỷ đồng tăng 275,07% so với năm 2021. Trong

đó, chi phí lãi vay là 20.95 tỷ đồng tăng 29,1% so với năm 2021. Chi phí khác là 4.2 tỷ đồng giảm 39,76% so với năm 2021.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được trong năm 2022:

- Công ty không ngừng cải tiến sản xuất, áp dụng mô hình LEAN, Công ty còn đầu tư máy móc thiết bị tự động hóa nhiều công đoạn trong sản xuất, giảm chi phí nhân công, tăng năng suất, giảm hao phí để gia tăng lợi nhuận.
- Mặc khác, trước tình hình nền kinh tế bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid 19 diễn ra, Công ty đã cố gắng duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, chăm lo sức khỏe và duy trì công việc cho người lao động, tổ chức đăng ký tiêm vắc xin phòng dịch bệnh cho người lao động.
- Công ty đã cải tổ lại các phòng ban trong Công ty theo hướng tiết kiệm và hiệu quả, giảm hao hụt nguyên phụ liệu trong sản xuất, tổ chức lại mua hàng hiệu quả, lựa chọn nhà cung cấp có giá cạnh tranh hơn.
- Đẩy mạnh tổ chức lại phòng Kinh doanh, Chuỗi cung ứng và đã mang lại hiệu quả thông qua việc tìm kiếm được nhiều khách hàng mới có tìm năng trở thành khách hàng chủ lực trong tương lai.
- Công ty không ngừng chú trọng các chính sách thưởng, phúc lợi, đãi ngộ dưới nhiều hình thức, duy trì định kỳ khám sức khỏe cho người lao động hàng năm.

2. Tình hình tài chính

Thực hiện hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, minh bạch. Tuân thủ đầy đủ quy định của Nhà nước về công tác kế toán tài chính, thuế doanh nghiệp.

Quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, quản lý tốt việc tuân thủ định mức kỹ thuật, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, quy chế tài chính, quản lý và mua sắm tài sản của Công ty để đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Tập trung và nhạy bén trong việc sử dụng nguồn vốn của Công ty đúng mục đích, bảo toàn vốn và mang lại hiệu quả.

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	Năm 2021	Tỷ trọng năm 2021	Năm 2022	Tỷ trọng năm 2022	Thay đổi giá trị	Thay đổi %
A . Tài sản ngắn hạn	3.153	83,72%	3.492	87,56%	339	10,75%
B. Tài sản dài hạn	613	16,28%	496	12,44%	-117	-19,09%
Tổng cộng tài sản	**3.766**	**100,00%**	**3.988**	**100,00%**	**222**	**5,89%**

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022 đạt 3.988 tỷ đồng, tăng 222 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 5,89% so với năm 2021. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 339 tỷ (tương đương 10,75%) và tài sản dài hạn giảm 117 tỷ (tương đương giảm 19,09%). Hiệu suất sử

dụng tài sản giảm nhẹ so với năm 2021. Giá trị tài sản trong giai đoạn 2021-2022 tăng cao hơn giai đoạn 2020-2021 nhưng công ty vẫn duy trì hiệu suất hoạt động ổn định.

Cơ cấu tài sản tiếp tục có sự gia tăng trong tài sản ngắn hạn và giảm trong tài sản dài hạn. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 87,56% (so với 83,72% năm 2021), tài sản dài hạn chiếm 12,44% (so với 16,28% năm 2021).

2.2. Tình hình nợ phải trả

Khoản mục	Năm 2021	Tỷ trọng năm 2021	Năm 2022	Tỷ trọng năm 2022	Thay đổi giá trị	Thay đổi %
A . Nợ phải trả	2.155	57,24%	1.477	37,02%	-679	-31,49%
B . Nguồn vốn chủ sở hữu	1.61	42,76%	2.512	62,98%	901	55,96%
Tổng cộng nguồn vốn	**3.766**	**100,00%**	**3.988**	**100,00%**	**223**	**5,91%**

Cơ cấu nguồn vốn có sự dịch chuyển giảm tỷ trọng nợ phải phải trả và tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu. Nợ phải trả là 1.477 tỷ đồng, giảm 679 tỷ (tương đương giảm 31,49%) chiếm tỷ trọng 37,02% tổng nguồn vốn. Vốn chủ sở hữu đạt 2.512 tỷ đồng, tăng 901 tỷ (tương đương 55,96%) chiếm tỷ trọng 62,98% tổng nguồn vốn.

3. Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cải tổ lại nhân sự, sơ đồ tổ chức Công ty theo mô hình quản lý tập trung phù hợp với quy mô sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm, khách hàng, thị trường của Công ty. Tối đa hóa nguồn nhân lực hiện có của Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn.

Tập trung công tác đào tạo công nhân, thay đổi văn hóa và ý thức trong sản xuất để hướng tới cải tiến sản xuất theo hướng tinh gọn, tự động hóa, hiệu quả và đặc biệt là thu hút nhân lực quản lý có kinh nghiệm về làm việc tại Công ty.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm lượng nước tiêu thụ, giảm tỷ lệ rác thải, nước thải, vệ sinh môi trường và chăm sóc y tế cho người lao động.

Công tác thực hiện chế độ chính sách cho người lao động:

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy trình; rà soát, thay đổi kịp thời chính sách lương, thưởng và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động;
- Thường xuyên phát động các phong trào thi đua, tăng năng suất – chất lượng, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Thường xuyên rà soát cải thiện môi trường làm việc nhằm đảm bảo người lao động được làm việc trong môi trường an toàn, lành mạnh, được hưởng các chế độ phúc lợi theo đúng quy định.

Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, quy trình làm việc, khuyến khích các ý tưởng đóng góp của người lao động để điều chỉnh kịp thời các quy trình phù hợp với thực tế nhằm mang lại hiệu quả cao.

Đẩy mạnh công tác kiểm soát cơ chế hoạt động của người đại diện vốn tại các công ty có vốn đầu tư nhằm mang lại hiệu quả, an toàn trong việc đầu tư.

Chú trọng công tác đào tạo kế thừa cho từng vị trí của từng phòng ban.

4. Kế hoạch năm 2023

4.1. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2023 dự kiến:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Doanh thu	VNĐ	1.500.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	103.500.000.000
3	Cổ tức	%	5 - 10

Dự báo năm 2023 sẽ có nhiều khách hàng lớn tiềm năng trên thế giới thay thế, bổ sung đơn hàng cho các khách hàng hiện hữu và phát triển đầy công suất cho Công ty. Mặc khác, Công ty đã chủ động có kế hoạch ứng phó với tình hình hiện tại đồng thời xây dựng kế hoạch đáp ứng nhanh nhất trong tình hình mới khi kinh tế thế giới dần hồi phục.

Các mục tiêu phát triển trong năm 2023 và những năm tiếp theo:

- Tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất ngành hàng chính là hàng gia dụng (vải kết hợp với nhựa và vải kết hợp với kim loại), tái cơ cấu để tối ưu hóa các chuyền may hiện có tại các nhà máy trong hệ thống.
- Đẩy mạnh phát triển sản phẩm, tìm kiếm khách hàng mới tiềm năng, đa dạng hóa các layout chuyền, nhà máy sản xuất để đáp ứng chuyển đổi nhanh khi cần.
- Tập trung và quy hoạch chuyên môn hóa các mặt hàng, khách hàng cho từng nhà máy trực thuộc nhằm tối ưu hóa sản xuất, hiệu quả chi phí, tăng tính cạnh tranh về giá cả và chất lượng, đặc biệt các nhà máy vùng 3 – 4.
- Mở rộng tìm kiếm khách hàng lớn.
- Tìm kiếm các cơ hội M&A trong ngành để phát triển công suất, đầu tư chủ động nguồn nguyên phụ liệu trong thời gian nhanh nhất với giá trị đầu tư hợp lý.
- Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Gilimex tại Huế với tổng diện tích khoảng 460 hec-ta. Đẩy mạnh kêu gọi nhà đầu tư trong và ngoài nước trên tất cả các lĩnh vực ngành nghề đã được phê duyệt trong đánh giá tác động môi trường của dự án.
- Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long với tổng diện tích khoảng 400ha.
- Phát triển các Khu công nghiệp tại miền Bắc, miền Trung và miền Nam.
- Phát triển dịch vụ để phục vụ cho Khu công nghiệp như nhà xưởng cho thuê, kho cho thuê, dịch vụ logistics.

4.2. Biện pháp thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2023 và những năm tiếp theo

Phát triển sản phẩm:

- Tập trung công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, kịp thời nắm bắt thị hiếu của người tiêu dùng toàn cầu, đặc biệt tại Châu Á, Châu Âu và Mỹ.
- Thắt chặt mối quan hệ hợp tác với khách hàng hiện tại, mở rộng phát triển khách hàng mới, thị trường và sản phẩm mới có giá trị cao.
- Phối hợp chặt chẽ cùng với khách hàng để đa dạng hóa sản phẩm, nhanh chóng đưa ra thị trường sản phẩm mới.
- Tái cơ cấu, cải tiến sơ đồ tổ chức, tăng nguồn lực chất lượng phát triển sản phẩm phục vụ cho việc mở rộng tìm kiếm khách hàng mới cũng như mở rộng nguồn hàng, mặt hàng khác từ khách hàng hiện tại.

Quản lý Chuỗi cung ứng:

- Tổ chức lại chuỗi cung ứng: từ lựa chọn đơn hàng, nhà cung cấp nguyên phụ liệu, rút ngắn thời gian đặt mua nguyên phụ liệu, đến công tác quản lý xuất - nhập - tồn kho bảo đảm đáp ứng nhu cầu an toàn sản xuất và an toàn tài chính.
- Tổ chức lại hệ thống Kho vận của Công ty theo đúng quy chuẩn, tập trung và đáp ứng tốt cho sản xuất và giao hàng.
- Chú trọng tinh gọn chuỗi cung ứng, bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động xây dựng các kịch bản, chuẩn bị cho mọi tình huống có thể xảy ra.
- Tiếp tục cải tiến chuỗi cung ứng NPL theo mục tiêu bền vững và chất lượng.

Tổ chức quản lý nhân sự phục vụ cho sản xuất kinh doanh hiệu quả

- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các phòng ban và các chuyền sản xuất theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Phát triển áp dụng mô hình LEAN cho tất cả các chuyền sản xuất tại các Nhà máy trong Công ty.
- Tập trung công tác nghiên cứu từng bước áp dụng tự động hóa vào sản xuất.
- Bố trí sản xuất các ngành hàng phù hợp với từng vùng, từng nhà máy để đạt hiệu quả cao.
- Tập trung cải tiến kỹ thuật, giảm hao hụt định mức nguyên vật liệu, cải tiến quy trình sản xuất giúp tăng năng suất và chất lượng.
- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng chặt chẽ hơn từ Nhà cung cấp - Kho nguyên vật liệu – xưởng sản xuất – xưởng đóng gói – hoàn thành – giao hàng.

Gia tăng năng lực sản xuất:

- Cải tiến máy móc thiết bị nhằm tăng năng suất tối đa nhưng chi phí tối thiểu.
- Sàn lọc và đào tạo lực lượng lao động sản xuất thành thạo và chuyên nghiệp.

Tiếp tục phát triển Gilimex Khu công nghiệp và Gilimex dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 có ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nên không có giải trình.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Đánh giá các chỉ tiêu môi trường của nhà máy Gilimex trong năm 2022

Năm 2022, công ty đạt kết quả vượt mục tiêu đối với chỉ số tỷ lệ điện năng tái tạo sử dụng và lượng phát thải CO2 thải ra môi trường. Ngoài ra, các chỉ số về rác thải và nước cấp cũng giảm đáng kể, phần lớn do công ty thực hiện nghiêm túc các chính sách về môi trường. Kết quả cụ thể được thống kê trong bảng sau:

Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ số môi trường và phát thải năm 2022:

STT	Nội dung	Kết quả		Chênh lệch	Mục tiêu năm 2022	Kết luận
		2021	2022			
3	Điện năng tái tạo sử dụng	34.2%	80%	+45,8%	60% điện tái tạo	Đạt
1	Điện tiêu thụ	766,198 kWh	726,502 kWh	-39,696 kWh		
2	Chỉ số phát thải CO_2	499,500 kg CO2 eq	252,453 kg CO_2 eq	-247,047 kg CO_2 eq	280,000 kg CO_2 eq	Đạt
4	Tổng lượng rác thải	329,295 kg	277,158 kg	-52,137 kg		
5	Tổng lượng nước cấp sử dụng	7,560 m3	5,863 m3	-1697 m3		

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Với phương châm vai trò của người lao động là cực kỳ quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty, Công ty luôn đảm bảo các chế độ phúc lợi, sức khỏe cho người lao động khi làm việc tại Công ty, luôn khuyến khích và ghi nhận công sức, thành quả đóng góp của người lao động để duy trì được tinh thần làm việc hiệu quả tối đa. Trên cơ sở này, Công ty đã và đang thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động để họ có thể đáp ứng được nhu cầu công việc ngày càng cao và phát triển sự nghiệp trong tương lai. Mặc dù dịch bệnh Covid đã làm thay đổi cuộc sống của con người nhưng Công ty vẫn tạo mọi điều kiện để người lao động có thể duy trì được việc làm, thu nhập ổn định cuộc sống. Thu nhập bình quân năm 2022 của người lao động tại Công ty đạt 8.8 triệu đồng/người/tháng.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng

Công ty hiểu rằng phụng sự xã hội và chia sẻ với cộng đồng là trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp. Do đó, Công ty luôn tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng về giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng trong việc đảm bảo thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững.

Năm 2022, Công ty đã tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm đóng góp vào các hoạt động chung của xã hội như: tài trợ học bổng năm 2021 cho Trường Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh, ủng hộ thẻ BHXH cho người có hoàn cảnh khó khăn tại địa bàn Quận Bình Thạnh, ủng hộ đồng bào nghèo xã Nghĩa Dõng TP. Quảng Ngãi.

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2022

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Mặc dù môi trường kinh doanh năm 2022 có nhiều khó khăn, bị ảnh hưởng bởi nhu cầu toàn thị trường giảm mạnh và trước áp lực giảm giá của khách hàng, Công ty đã tập trung nguồn lực vào ngành hàng chính, phát triển sản phẩm mới, chủ động tìm kiếm đơn hàng mới, nguồn nguyên phụ liệu với giá cạnh tranh để hoàn thành tốt kế hoạch giao hàng các đơn hàng hiện tại.
- Công tác quản lý điều hành doanh nghiệp được chặt chẽ, hiệu quả, vốn cổ đông được bảo toàn và phát triển.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã bám sát kế hoạch đã đề ra, thực hiện các biện pháp nhằm tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí, đảm bảo lợi ích của cổ đông. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ tăng/giảm thực hiện 2022 so với 2021
1	Doanh thu hợp nhất	4.150.320	3.166.709	-23,70%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (LNTT)	330.293	361.759	9,53%
3	Cổ tức	25%		

Về trách nhiệm môi trường và xã hội: Hội đồng quản trị luôn khuyến khích Ban điều hành duy trì các hoạt động cộng đồng, đảm bảo thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững. Bên cạnh việc tham gia các hoạt động cộng đồng cộng đồng hằng năm, Công ty cũng chú trọng việc xây dựng các chính sách nhằm cải thiện môi trường như phân loại rác thải, hệ thống xử lý nước thải, tuyên truyền sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện, tạo môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng về giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hiện có ba (03) thành viên trong số năm (05) thành viên của Hội đồng quản trị tham gia điều hành trong Công ty, vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho hai (02) thành viên độc lập được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý, cụ thể:

- Hàng quý, Ban giám đốc đều có báo cáo để Hội đồng Quản trị nắm rõ diễn biến các hoạt động của Công ty và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.
- Tham gia họp với Ban giám đốc và các đối tác có liên quan khi có các vấn đề quan trọng trong kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác.

Về quản lý sản xuất kinh doanh:

- Ban Giám đốc kịp thời thông tin báo cáo và điều hành Công ty phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và yêu cầu của Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc đã rất nỗ lực, luôn năng động, sáng tạo và cải tiến trong quản lý, lãnh đạo Công ty đi đúng hướng cũng như đưa ra những giải pháp phù hợp và kịp thời nhằm đưa công ty vượt qua những khó khăn thách thức của thị trường, khai thác hiệu quả các nguồn lực của Công ty, tích cực mở rộng quan hệ đối tác đảm bảo sự phát triển của Công ty.
- Đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty có tầm nhìn, năng động, tư duy cải tiến trong sản xuất, nhanh nhạy trong việc nắm bắt và thích nghi với tình hình đầy biến động của thị trường trong quá trình điều hành Công ty.
- Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã nỗ lực, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2022, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty; hệ thống tổ chức, kiểm soát và quản lý Công ty được duy trì tốt, đặc biệt là vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang gặp khó khăn

Về quản lý tài chính:

- Tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo lợi ích hài hòa của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ủy ban kiểm toán Công ty trực thuộc Hội đồng Quản trị.
- Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về tổ chức lại bộ máy hoạt động: Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã giám sát việc tổ chức lại bộ máy hoạt động của Công ty hiệu quả hơn. Theo đó, Ban Giám đốc đã rà soát cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty để tổ chức lại phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay. Việc tổ chức lại bộ máy hoạt động góp phần nâng cao chất lượng hệ thống quản lý và chất lượng nguồn nhân lực

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

Năm 2023, Hội đồng Quản trị sẽ tập trung giám sát Ban điều hành để có những chỉ đạo kịp thời trong việc tìm kiếm các khách hàng lớn, đạt mục tiêu năng suất tăng bình quân 10% - 15% hằng năm, mạnh dạn áp dụng tự động hóa vào sản xuất để gia tăng năng lực sản xuất, giảm bớt tỷ lệ phụ thuộc vào việc sử dụng nhiều lao động của ngành may, luôn cải tiến quy trình và chủ động hơn trong sản xuất, mở rộng hệ thống kho bãi, chuẩn bị nguồn lực tốt nhất để đáp ứng được nhu cầu nhanh nhất khi nền kinh tế hồi phục và tăng trưởng trở lại, bám sát mục tiêu tăng trưởng trung và dài hạn của Công ty. Trong đó:

Nhà máy Bình Thạnh, Thạnh Mỹ: Tập trung vào lĩnh vực hàng gia dụng, trong đó Nhà máy Bình Thạnh sẽ tập trung những mặt hàng có giá trị cao, là Trung tâm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, huy động các nguồn tài chính trong và ngoài Công ty để đầu tư mở rộng khách hàng và thị trường mới.

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Kim khí Đại Tây Dương: Sản xuất các sản phẩm kim loại phục vụ cho ngành hàng gia dụng của GILIMEX.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Chiếu sáng Thái Bình Dương: Hướng đến trở thành một trong những Công ty sản xuất đèn gia dụng lớn tại Việt Nam, phục vụ cho xuất khẩu thị trường Châu Âu, Châu Á, Mỹ, Úc.

Đầu tư công suất mới: mở rộng công suất tại nhà máy Công ty Đại Tây Dương và Thái Bình Dương để phục vụ cho nhu cầu toàn hệ thống.

Phát triển Khu Công Nghiệp và Chuỗi Khách Sạn Phục Vụ các Khu Công Nghiệp trong nước:

- Khu công nghiệp Gilimex tập trung triển khai giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo tiến độ.
- Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long tập trung hoàn thành các thủ tục hồ sơ pháp lý để thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo tiến độ.
- Dự án tập trung vào các khu vực được Chính phủ quy hoạch phát triển Công Nghiệp để xin đầu tư với mức giá tối ưu, mang lại giá trị bền vững và lâu dài cho Công ty trong giai đoạn 2020 – 2030.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Trình độ chuyên môn	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu có quyền biểu quyết sở hữu đến ngày 28/03/2023	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Lê Hùng	Cử nhân Quản trị Kinh doanh	Chủ tịch HĐQT Người CBTT	6,230,272	8.90%	Thành viên điều hành
2	Nguyễn Việt Cường	Cử nhân kinh tế, chuyên viên kế toán, kiểm toán quốc tế	Thành viên HĐQT	1,593,000	2.28%	Thành viên điều hành
	2.1. Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn		Chủ tịch HĐQT	0	0	

3	Nguyễn Hữu Phúc	Cử nhân Thương mại	Thành viên HĐQT	2,005,838	2.87%	Thành viên điều hành
4	Trần Thanh Tùng	Thạc sĩ Luật học, Luật sư	Thành viên HĐQT	13,910	0.02%	Thành viên độc lập
5	Nguyễn Quốc Khánh	Kỹ sư ngành Hóa thực phẩm, Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh và Ngữ Văn Anh	Thành viên HĐQT	30,700	0.04%	Thành viên độc lập

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Tiểu ban chiến lược – Ông. Lê Hùng - Trưởng Tiểu ban

Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương – Bà. Nguyễn Thị Minh Hiếu - Trưởng Tiểu ban

Tiểu ban Tài chính – Đầu tư – Ông. Nguyễn Hữu Phúc - Trưởng Tiểu ban

Ủy Ban Kiểm Toán – Ông. Trần Thanh Tùng - Chủ tịch Ủy ban

Tiểu ban quan hệ cổ đông – Ông. Nguyễn Việt Cường - Trưởng Tiểu ban

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành triển khai các hoạt động theo quy định Điều lệ Công ty, tuân thủ Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể:

- Hội đồng quản trị đã tiến hành các phiên họp, lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để xem xét thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đúng quy định và đều có sự tham gia 100% thành viên Hội đồng quản trị.
- Kết quả biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị, Biên bản họp và Nghị quyết đều đạt tỷ lệ đồng thuận 100%. Việc lưu trữ các Biên bản họp, Nghị quyết và các văn bản khác có liên quan được Văn phòng Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ theo quy định.
- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã có 14 cuộc họp và ban hành 37 Nghị quyết bao gồm:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Số: 01/2022/NQ-HĐQT	26/01/2022	Điều chỉnh chi tiết về việc thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
2	Số: 02/2022/NQ-HĐQT	26/01/2022	Về việc Thưởng Tết Nguyên Đán Nhâm Dần năm 2022 cho CBCNV Công ty	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
3	Số: 03/2022/NQ-HĐQT	28/01/2022	Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng Quý 4.2021	100%
4	Số: 04/2022/NQ-HĐQT	18/02/2022	Về việc Điều chỉnh Thời gian chào bán dự kiến, Đính chính Nội dung nghị quyết HĐQT số 54/2021/NQ-HĐQT ngày 01/12/2021 và thông qua chủ trương đầu tư góp vốn thêm vào Công ty liên kết	100%
5	Số: 05/2022/NQ-HĐQT	16/03/2022	Về thời gian chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
6	Số: 06/2022/NQ-HĐQT	28/03/2022	Chủ trương Công ty chuyển nhượng cổ phần tại Công ty liên kết	100%
7	Số: 07/2022/NQ-HĐQT	28/03/2022	Chủ trương công ty con chuyển nhượng cổ phần tại Công ty liên kết	100%
8	Số: 08/2022/NQ-HĐQT	08/04/2022	Giải thể Tiểu ban kiểm toán nội bộ và thành lập UBKT	100%
9	Số: 09/2022/NQ-HĐQT	21/04/2022	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư và xử lý số cổ phiếu do nhà đầu tư không nộp tiền mua của đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
10	Số: 10/2022/NQ-HĐQT	28/04/2022	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
11	Số: 11/2022/NQ-HĐQT	28/04/2022	Tăng vốn Điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty	100%
12	Số: 12/2022/NQ-HĐQT	29/04/2022	Phê duyệt BCTC riêng Quý 1/2022	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	Số: 13/2022/NQ-HĐQT	09/05/2022	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
14	Số: 14/2022/NQ-HĐQT	18/05/2022	Kế hoạch sử dụng vốn phát hành riêng lẻ để thanh toán tiền cho nhà cung cấp	100%
15	Số: 15/2022/NQ-HĐQT	04/06/2022	Thông qua nội dung tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
16	Số: 16/2022/NQ-HĐQT	09/06/2022	Điều chỉnh phương án thực hiện sản xuất In-house	100%
17	Số: 17/2022/NQ-HĐQT	14/06/2022	Thông qua sửa đổi, bổ sung nội dung tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
18	Số: 18/2022/NQ-HĐQT	23/06/2022	Thông qua sửa đổi, bổ sung nội dung tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
19	Số: 19/2022/NQ-HĐQT	30/06/2022	Chọn Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2022	100%
20	Số: 20/2022/NQ-HĐQT	01/07/2022	Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	100%
21	Số: 21/2022/NQ-HĐQT	12/07/2022	Góp thêm vốn vào Công ty con	100%
22	Số: 22/2022/NQ-HĐQT	29/07/2022	Thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và Quy chế Kiểm toán nội bộ	100%
23	Số: 23/2022/NQ-HĐQT	29/07/2022	Thành lập Ban hỗ trợ kiểm toán	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
24	Số: 24/2022/NQ-HĐQT	29/07/2022	Thông qua kế hoạch chi tiết sử dụng vốn còn lại từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư	100%
25	Số: 25/2022/NQ-HĐQT	30/07/2022	Thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông của Công ty	100%
26	Số: 26/2022/NQ-HĐQT	30/07/2022	Thông qua báo cáo tài chính riêng Quý 2/2022	100%
27	Số: 27/2022/NQ-HĐQT	23/08/2022	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021	100%
28	Số: 28/2022/NQ-HĐQT	14/09/2022	Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Công ty của ông Phạm Văn Tàu và bổ nhiệm Giám đốc Công ty mới	100%
29	Số: 29/2022/NQ-HĐQT	20/09/2022	Thông qua Quy chế phân quyền nội bộ Công ty đã được sửa đổi, bổ sung	100%
30	Số: 30/2022/NQ-HĐQT	28/09/2022	Thông qua việc sửa đổi Điều lệ, điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán bổ sung với VSD và niêm yết chứng khoán bổ sung với HOSE	100%
31	Số: 31/2022/NQ-HĐQT	28/10/2022	Thông qua báo cáo tài chính riêng Quý 3/2022	100%
32	Số: 32/2022/NQ-HĐQT	01/11/2022	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	
33	Số: 33/2022/NQ-HĐQT	01/11/2022	Xác định Tiêu chuẩn và Danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động - Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và Thời gian thực hiện	100%
34	Số: 34/2022/NQ-HĐQT	01/11/2022	Thành lập Ban kiểm phiếu bổ sung	100%
35	Số: 35/2022/NQ-HĐQT	09/11/2022	Chủ trương đầu tư phát triển kho	100%
36	Số: 36/2022/NQ-HĐQT	22/11/2022	Bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty con	100%
37	Số: 37/2022/NQ-HĐQT	02/12/2022	Điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐQT ngày 01/11/2022 của Hội đồng quản trị Công ty	100%

1.4. Hoạt động của các thành viên hội đồng quản trị độc lập

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã cùng với Hội đồng quản trị tham gia hoạch định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh cho Công ty hàng năm. Đồng thời, với nhiệm vụ là Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện giám sát đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị, điều hành của Ban điều hành, đánh giá tình hình tài chính của Công ty để đóng góp ý kiến, đưa ra những giải pháp thực thi hiệu quả, tư vấn cho Công ty về mặt pháp lý, tài chính giúp Công ty nâng cao năng lực tài chính, sử dụng vốn hiệu quả hơn.

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đầy đủ 14/14 cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2022 và đều biểu quyết đồng thuận 100%.

1.5. Hoạt động các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

1.5.1. Tiểu ban chiến lược

Tiểu ban chiến lược đã cùng với Ban Giám đốc hoạch định chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty, tiếp tục tập trung cho sản xuất, hoàn thiện, sắp xếp bộ máy tổ chức quản lý công ty và các Công ty con, đặc biệt là đội ngũ quản lý cấp trung, theo hướng quản lý tập trung, tinh gọn và hiệu quả, chú trọng vào các hoạt động sản xuất, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, cải tiến sản xuất – chất lượng, quản lý Chuỗi Cung ứng, cơ cấu lại quy mô, mặt hàng sản xuất của các nhà máy nhằm gia tăng hiệu quả và năng lực sản xuất.

Cùng với Ban Giám đốc, thường xuyên xem xét, triển khai các giải pháp giải phóng nhanh hàng tồn kho, cải tiến công tác kế hoạch, mua hàng và điều độ nguyên phụ liệu sản xuất, rút ngắn thời gian đặt mua nguyên phụ liệu, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, phát triển khách hàng, quản lý và giảm thiểu hao phí trong sản xuất, đảm bảo cho hoạt động sản xuất được liên tục thông qua việc hoàn thiện lại hệ thống quản lý chất lượng, chuẩn hóa các quy trình trong hệ thống, tăng cường kiểm soát nội bộ, giảm thời gian tồn kho của hàng hóa để gia tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cải tạo lại hệ thống kho hoàn thiện hơn theo tiêu chuẩn khách hàng.

Tiếp tục hoàn thiện những Quy trình, Quy chế và Hệ thống quy chuẩn – chất lượng.

1.5.2. Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương:

Cải tiến các chính sách đối với người lao động nhằm ổn định và thu hút nguồn nhân lực, cải tiến hệ thống lương, thưởng để tạo động lực thúc đẩy tăng năng suất trong sản xuất và tăng thu nhập cho người lao động.

Tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, phù hợp với quy mô phát triển của Công ty.

Tuyên dương khen thưởng những tập thể và cá nhân lao động giỏi, xuất sắc.

1.5.3. Tiểu ban Tài chính – Đầu tư:

Tiểu ban Tài chính – Đầu tư đã cùng với Ban Giám đốc:

- Thực hiện kế hoạch vốn và nguồn vốn đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động tài chính;
- Triển khai công tác kiểm tra, kiểm soát và giám sát hoạt động tài chính, giám sát giá trị lượng hàng tồn kho để có những giải pháp kịp thời, ổn định tình hình tài chính doanh nghiệp;
- Đánh giá định kỳ tình hình thực hiện các hạng mục đầu tư chỉnh trang Nhà máy, Kho bãi, xây dựng Khu văn phòng, đầu tư trang thiết bị để có những quyết định phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả của vốn đầu tư;
- Công tác kế toán tài chính đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty.

1.5.4. Tiểu ban Quan hệ cổ đông

Tiểu ban đã chủ động gặp gỡ, tiếp xúc, giải đáp kịp thời mọi thắc mắc, khiếu nại của các nhà đầu tư, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho các cổ đông

cũng như các quy định về công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

1.5.5. Ủy ban kiểm toán

1.5.5.1. Cơ cấu nhân sự

Về nhân sự, hiện nay Ủy ban kiểm toán ("UBKT") gồm có 02 thành viên:

- Ông Trần Thanh Tùng – Chủ tịch
- Ông Nguyễn Quốc Khánh – Thành viên

Hoạt động của UBKT tuân thủ theo đúng quy định tại Quy chế hoạt động của UBKT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.

1.5.5.2. Hoạt động giám sát vận hành của Ủy ban trong năm 2022

Trong năm 2022, UBKT đã tiến hành công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty theo các nội dung sau:

- Giám sát các hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, phương thức ban hành nghị quyết HĐQT; giám sát việc thực hiện các nghị quyết HĐQT.
- Giám sát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc quản lý, tổ chức điều hành công tác kế toán thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty; làm việc với kiểm toán bên ngoài.
- Trong 6 tháng cuối năm 2022, các biến động lớn trong nền kinh tế trong nước và thế giới đã gây ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. UBKT nhận thấy HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện nhiều biện pháp để bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty để phù hợp với các thay đổi của thị trường và khách hàng.
- Về hệ thống KSNB và quản trị rủi ro, UBKT nhận thấy trong năm 2022, Công ty tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng và kiểm soát nội bộ tin cậy và hữu hiệu. Ngoài việc liên tục cập nhật các quy trình, quy định cho phù hợp với các thay đổi trong thực tế công việc, công ty tiếp tục thúc đẩy hoạt động tự đánh giá trong nội bộ các phòng ban chức năng, các nhà máy sản xuất.
- Về hệ thống quản trị chất lượng sản phẩm, UBKT nhận thấy hệ thống quản trị chất lượng sản phẩm, quản lý môi trường, trách nhiệm xã hội . . . được vận hành theo đúng các tiêu chuẩn, quy định của nhà nước và các yêu cầu của khách hàng.
- Về hoạt động Kiểm toán nội bộ, UBKT nhận thấy hoạt động KTNB trong năm 2022 được duy trì thực hiện theo định hướng chuyển từ kiểm toán tuân thủ sang hỗ trợ, tư vấn các đơn vị trong quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

1.5.5.3. Hoạt động Kiểm toán nội bộ

Năm 2022, bộ máy nhân sự kiểm toán nội bộ ("KTNB") tiếp tục được hoàn thiện nhằm đảm bảo nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Các quy chế hoạt động, quy trình kiểm toán được xây dựng phù hợp với các quy định của pháp luật và hướng dẫn về KTNB do Bộ Tài chính ban hành, cũng như bám sát các chuẩn mực kiểm toán nội bộ của Việt Nam và quốc tế.

Hoạt động KTNB trong năm 2022 được định hướng ưu tiên chuyển từ kiểm toán tuân thủ sang hỗ trợ, tư vấn các đơn vị trong quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

1.5.5.4. Giám sát báo cáo tài chính

Nhân sự UBKT đã tham gia làm việc cùng với đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

UBKT nhận thấy, về quy trình tổ chức bộ máy kế toán và quy trình làm việc của kế toán là phù hợp với đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Sổ sách kế toán và chứng từ đều vận dụng theo đúng chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành, các chứng từ được kiểm tra tính hợp pháp chặt chẽ, quá trình luân chuyển chứng từ khoa học, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát.

Qua xem xét thẩm định báo cáo tài chính riêng công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 Ủy Ban KTNB nhận thấy xét trên những khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính do Công ty lập là phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành. Các báo cáo được gửi và công bố đúng hạn theo quy định đối với công ty niêm yết và yêu cầu của các cơ quan quản lý.

1.5.5.5. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tỷ lệ tăng/giảm năm 2022 so với 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.166.709.117.208	4.150.320.316.468	-23,70%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	35.211.456	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.166.673.905.752	4.150.320.316.468	-23,70%
4. Giá vốn hàng bán	2.671.499.668.316	3.395.857.694.895	-21,33%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	495.174.237.436	754.462.621.573	-34,37%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	445.632.507.634	85.091.627.249	423,71%

7. Chi phí tài chính	236.151.695.640	62.962.365.263	275,07%
+ Trong đó: chi phí lãi vay	20.954.049.005	16.230.385.996	29,10%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-41.311.927	-32.336.764.416	-99,87%
9. Chi phí bán hàng	61.436.683.707	155.965.433.704	-60,61%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	184.319.410.486	156.288.786.389	17,94%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	458.857.643.310	432.000.899.050	6,22%
12. Thu nhập khác	4.251.373.120	8.321.361.115	-48,91%
13. Chi phí khác	4.208.210.493	6.985.748.770	-39,76%
14. Lợi nhuận khác	43.162.627	1.335.612.345	-96,77%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	458.900.805.937	433.336.511.395	5,90%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	84.573.603.403	110.367.368.290	-23,37%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	12.934.402.516	-7.663.964.532	-268,77%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	361.392.800.018	330.633.107.637	9,30%
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	361.759.037.132	330.292.831.965	9,53%
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-366.237.114	340.275.672	-207,63%
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.727	8.965	-24,96%

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 đạt 3.166 tỷ đồng, giảm 23,7% so với năm 2021. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2022 đạt 445 tỷ đồng, tăng 423,71% so với năm 2021. Thu nhập khác năm 2022 đạt 4,2 tỷ đồng, giảm 48,91% so với năm 2021.

Giá vốn hàng bán năm 2022 là 2.671 tỷ đồng, giảm 21,33% so với năm 2021. Tỷ lệ giảm của giá vốn hàng bán phù hợp với tỷ lệ giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng năm 2022 là 61,43 tỷ đồng, giảm 60,61% so với năm 2021.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 là 184,32 tỷ đồng, tăng 17,94% so với năm 2021. Chi phí tài chính năm 2022 là 236,15 tỷ đồng tăng 275,07% so với năm 2021. Trong đó, chi phí lãi vay là 20,95 tỷ đồng tăng 29,1% so với năm 2021. Chi phí khác là 4,2 tỷ đồng giảm 39,76% so với năm 2021.

Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 đạt 495,17 tỷ đồng giảm 34,37% so với năm 2021. Tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 15,64%, giảm 2,54% so với năm 2021. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2022 đạt 458,85 tỷ đồng tăng 6,22% so với năm 2021. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2022 đạt 458,9 tỷ đồng tăng 5,9% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đạt 361,39 tỷ đồng tăng 9,3% so với năm 2021. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 6.727 đồng giảm 24,96% so với năm 2021. Nhìn chung, năm 2022 lợi nhuận của công ty chủ yếu đến từ hoạt động tài chính.

Tình hình tài chính chung:

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	Năm 2022	Tỷ trọng	Năm 2021	Tỷ trọng	Thay đổi giá trị	Thay đổi %
A . Tài sản ngắn hạn	3.492	87,56%	3.153	83,72%	339	10,75%
B. Tài sản dài hạn	496	12,44%	613	16,28%	-117	-19,09%
Tổng cộng tài sản	**3.988**	**100,00%**	**3.766**	**100,00%**	**222**	**5,89%**
A . Nợ phải trả	1.477	37,02%	2.155	57,24%	-679	-31,49%
B . Nguồn vốn chủ sở hữu	2.512	62,98%	1.610	42,76%	901	55,96%
Tổng cộng nguồn vốn	**3.988**	**100,00%**	**3.766**	**100,00%**	**223**	**5,91%**

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022 đạt 3.988 tỷ đồng, tăng 222 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 5,89% so với năm 2021. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 339 tỷ (tương đương 10,75%) và tài sản dài hạn giảm 117 tỷ (tương đương giảm 19,09%).

Cơ cấu tài sản tiếp tục có sự gia tăng trong tài sản ngắn hạn và giảm trong tài sản dài hạn. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 87,56% (so với 83,72% năm 2021), tài sản dài hạn chiếm 12,44% (so với 16,28% năm 2021).

Cơ cấu nguồn vốn có sự dịch chuyển giảm tỷ trọng nợ phải phải trả và tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu. Nợ phải trả là 1.477 tỷ đồng, giảm 679 tỷ (tương đương giảm 31,49%) chiếm tỷ trọng 37,02% tổng nguồn vốn. Vốn chủ sở hữu đạt 2.512 tỷ đồng, tăng 901 tỷ (tương đương 55,96%) chiếm tỷ trọng 62,98% tổng nguồn vốn.

Một số chỉ số tài chính quan trọng năm 2022:

- Các chỉ số thanh toán:

CHỈ SỐ	NĂM 2022	NĂM 2021	TĂNG/GIẢM
Chỉ số thanh toán hiện hành	2,63	1,51	111,37%
Chỉ số thanh toán nhanh	1,68	1,15	53,03%
Chỉ số thanh toán tức thời	1,32	0,60	72,53%

Các chỉ số thể hiện khả năng thanh toán của Công ty đều có xu hướng tang mạnh so với năm 2021. Nhìn chung khả năng thanh toán của Công ty được đảm bảo và tình hình tài chính của Công ty ổn định và an toàn.

- Các chỉ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn và tài sản:

CHỈ SỐ	NĂM 2022	NĂM 2021	TĂNG GIẢM
Hệ số đòn bẩy	1,88	2,23	-35,11%
Hệ số nợ	0,47	0,55	-8,36%

Hệ số đòn bẩy năm 2022 là 1,88 giảm 35,11% so với năm 2021.

Hệ số nợ năm 2022 là 0,47 giảm 8,36% so với năm 2021. Nguyên nhân do tỷ trọng nợ phải trả giảm 31,49% so với năm 2021; đồng thời tổng nguồn vốn tăng và tổng nợ phải trả giảm.

Nhìn chung cơ cấu nguồn vốn và tài sản năm 2022 tiếp tục cho thấy tình hình tài chính của công ty ổn định và an toàn.

- Các chỉ số hiệu suất hoạt động:

CHỈ SỐ	NĂM 2022	NĂM 2021	TĂNG GIẢM
Vòng quay tổng tài sản	0,82	1,28	-0,47
Vòng quay hàng tồn kho	3,16	6,58	-3,42
Vòng quay khoản phải thu	4,85	5,02	-0,17

Vòng quay hàng tồn kho giảm so với năm 2021, nguyên nhân trong năm 2022 công ty tập trung cho mảng xây dựng hạ tầng khu công nghiệp.

Vòng quay khoản phải thu năm nay giảm nhẹ 0,17 vòng so với năm 2021.

Hiệu suất sử dụng tài sản giảm nhẹ so với năm 2021. Giá trị tài sản trong giai đoạn 2021-2022 tăng cao hơn giai đoạn 2020-2021, nhưng công ty vẫn duy trì hiệu suất hoạt động ổn định.

- Các chỉ số hiệu quả hoạt động:

CHỈ SỐ	NĂM 2022	NĂM 2021	TĂNG GIẢM
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	11,41%	7,97%	3,45%

Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA)	9,06%	8,78%	0,28%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	14,39%	20,53%	-6,14%
Thu nhập trên cổ phần thường (EPS)	6.727	8.965	-2.238

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) năm 2022 đạt 11,41%, tăng 3,45% so với năm 2021. Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA) năm 2022 đạt 9,06%, tăng 0,28% so với năm 2021. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2022 đạt 14,39%, giảm 6,14% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế tăng nhưng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tăng cao hơn nên thu nhập trên cổ phần thường (EPS) năm 2022 là 6.727 đồng, giảm 2.238 đồng so với năm 2021. Nhìn chung, các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động đều tăng so với năm 2021.

1.6. Đào tạo về quản trị Công ty của thành viên Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: không có

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty năm 2022: không có

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Giám đốc và Người phụ trách quản trị Công ty luôn thường xuyên theo dõi, cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị Công ty. Khi có các chương trình đào tạo của Ủy ban chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức về quản trị Công ty thì Công ty luôn cử người đại diện để tham gia.

2. Báo cáo của Ban Kiểm soát: Công ty hoạt động theo cơ cấu không có Ban Kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát

3.1. Thù lao Hội đồng quản trị và lương, thưởng Ban Giám đốc

Lương Ban Giám đốc năm 2022:

Stt	Họ và tên	Lương
1	Phạm Văn Tàu (Từ 01/2022 – 09/2022)	899.165.529
2	Phạm Thị Ánh Nguyệt (Từ 09/2022 – 12/2022)	379.993.056
Tổng cộng		**1.279.158.585**

Thù lao Hội đồng quản trị năm 2022 thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:

Stt	Họ và tên	Thù lao
1	Lê Hùng	276.000.000
2	Nguyễn Việt Cường	192.000.000
3	Nguyễn Quốc Khánh	192.000.000
4	Trần Thanh Tùng	192.000.000
5	Nguyễn Hữu Phúc	192.000.000
Tổng cộng		**1.044.000.000**

Mức thù lao của Ban Kiểm soát: Công ty hoạt động theo cơ cấu không có Ban Kiểm soát

3.2. Giao dịch cổ phiếu người nội bộ, người có liên quan người nội bộ trong năm 2022

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Hùng	Chủ tịch HĐQT	5,269,802	7.64%	6,060,272	8.78%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
	1.1 Lê Hùng	Chủ tịch HĐQT	6,060,272	8.66%	6,230,272	8.90%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
2	Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	801,858	1,86%	320,058	0,74%	Bán do nhu cầu cá nhân
	2.1 Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	320,058	0,74%	200,000	0,45%	Bán do nhu cầu cá nhân
	2.2 Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	200,000	0,45%	1,200,000	2.00%	Mua từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ

	2.3 Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	1,200,000	1.74%	1,380,000	2.00%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
	2.3 Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	1,380,000	2%	1,593,000	2,31%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
3	Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên HĐQT	1,422,468	3,29%	1,722,468	2,87%	Mua từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ
	3.2 Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên HĐQT	1,722,468	2,87%	1,980,838	2.87%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
	3.2 Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên HĐQT	1,980,838	2,87%	2,005,838	2,91%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
4	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	18,000	0.03%	20,700	0.03%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
	4.1 Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	20,700	0.03%	30,700	0.04%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
5	Trần Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	3,400	0.00%	3,910	0.01%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu

	5.1 Trần Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	3,910	0,01%	13,910	0,02%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
6	Phạm Thị Ánh Nguyệt	Giám đốc Công ty	-	0	40	0,06%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
7	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Kế toán trưởng	11,710	0,03%	241,710	0,40%	Mua từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ
	7.1 Nguyễn Thị Minh Hiếu	Kế toán trưởng	241,710	0.35%	277,966	0.40%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
	7.2 Nguyễn Thị Minh Hiếu	Kế toán trưởng	277,966	0.40%	330,966	0.47%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
8	Đinh Thị Hậu	Người phụ trách quản trị Công ty	2,404	0.00%	2,764	0.00%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
	8.1 Đinh Thị Hậu	Người phụ trách quản trị Công ty	0	0	10,000	0.01%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa

							chọn cho người lao động

3.3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn trong năm 2022

Stt	Người thực hiện giao dịch	Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu trước khi giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau khi giao dịch		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Phương Đông	30/09/2022	3.461.504	5,01%	3.211.504	4,65%	Bán do nhu cầu cá nhân
2	Lê Anh Thư	03/11/2022	3.425.951	4,97%	3.505.951	5,08%	Đầu tư cá nhân
	2.1 Lê Anh Thư	08/12/2022	3.515.951	5,10%	4.665.951	6,76%	Đầu tư cá nhân

3.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2022, Công ty không phát sinh giao dịch với người nội bộ nhưng Công ty có phát sinh giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty, người nội bộ Công ty đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua tại Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐQT ngày 25/05/2018 cho đến khi có văn bản mới thay thế. Cụ thể như sau:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch với Công ty	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (VND)
1	Công ty TNHH May Thạnh Mỹ	Công ty con	2022	Thuê gia công hàng	91.992.812.660
				Mua công cụ, dụng cụ	6.783.103
				Mua dịch vụ - tái chế sản phẩm	150.076.624
				Bán máy móc, công cụ, dụng cụ	73.866.300
				Cho thuê máy	24.937.200
				Cho thuê xưởng	393.744.756

2	Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Kim Khí Đại Tây Dương	Công ty con	2022	Mua nguyên vật liệu & thuê gia công hàng	28.156.242.045
				Trả hàng lỗi	1.137.208.440
				Cho thuê xưởng	364.226.892
				Trả hộ tiền điện	341.667.357
3	Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định	Công ty con	2022	Trả trước chi phí giám sát thi công	3.960.000.000
				Thuê giám sát thi công công trình	293.883.901
4	Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương	Công ty con	2022	Cho thuê xưởng	567.748.920
				Thuê gia công hàng	23.535.200
				Mua công cụ, dụng cụ	1.750.000
				Bán máy móc, công cụ, dụng cụ	15.900.000
5	Công ty cổ phần Bất động sản Hưng Khang	Công ty con	2022	Thu lãi tiền mượn	399.086.003
				Chuyển tiền góp vốn	46.000.000.000
6	Công ty cổ phần Bất động sản Mỹ Khang	Công ty con	2022	Cho mượn tiền	15.000.000
				Chuyển tiền góp vốn	80.000.000.000
				Thu lãi vay	50.857.500
7	Công ty TNHH MTV Gilimex Đồng Nai	Công ty con	2022	Chuyển tiền góp vốn	30.000.000.000
				Mua máy móc, công cụ, dụng cụ	3.480.000
				Phạt tiền do hao hụt nguyên vật liệu ngoài định mức, sửa hàng	68.950.739
				Thuê gia công hàng	31.369.788.773
8	Công ty cổ phần Khu	Công ty con	2022	Cho thuê xe	273.500.000

	công nghiệp Gilimex				
9	Công ty cổ phần Ichiban Star	Công ty con	2022	Cho vay tiền	150.000.000
10	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ Tầng BT	Công ty con	2022	Chuyển tiền góp vốn	10.000.000
11	Công ty cổ phần Gilimex Long Khánh	Công ty con	2022	Chuyển tiền góp vốn	20.000.000.000
				Thuê kho	1.225.000.000
12	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hoàng An	Công ty liên kết	2022	Cho mượn tiền	5.000.000
13	Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn	Công ty liên quan đến người nội bộ - Từ tháng 01/2022 đến tháng 11/2022: + Ông Lê Hùng là Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật và miễn nhiệm ngày 24/11/2022 + Ông Nguyễn Việt Cường là Thành viên HĐQT - Từ tháng 12/2022: ông Nguyễn Việt Cường là Chủ tịch HĐQT	2022	Phạt tiền do hao hụt nguyên vật liệu ngoài định mức, sửa hàng	339.566295
				Vận chuyển hàng	2.700.000
				Thuê gia công hàng	224.112.95.320
Tổng cộng					**561.530.267.028**

3.5. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2022

- **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**
- **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**
- **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**
- **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**
- **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**
- **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ Công ty;
- Ủy ban chứng khoán;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM;
- Lưu VP.

Đại diện theo pháp luật của Công ty
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (GILIMEX)

Lê Hùng

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

đã được kiểm toán

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City

A Member of msi Global Alliance

CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022
đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Điện thoại: 028 38 205 944 - Fax: 028 38 205 942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 07
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	08 - 08
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	09 - 12
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	13 - 13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14 - 15
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	16 - 49

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Theo giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4103000253 cấp ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 số 0302181666 ngày 17/11/2022 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:	690.000.000.000 VND
Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2022 là:	690.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 334A Phan Văn Trị, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 14 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất: 14 công ty

Tổng số các công ty liên doanh, liên kết: 01 công ty.

Tổng số các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất: 01 công ty.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động cấp tín dụng khác; Sản xuất điện.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Mô hình hoạt động của doanh nghiệp:

a/ Danh sách Công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất

- *Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ*

+ Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định*

+ Địa chỉ: 370 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ*

+ Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,45%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,45%%

- *Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Kim Khí Đại Tây Dương*

+ Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương*

+ Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,9%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,9%

- *Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex*

+ Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty CP Đầu Tư Hạ Tầng BT*

+ Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty Cổ Phần KCN Gilimex*

+ Địa chỉ: 45 Nguyễn Huệ, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 90%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 90%

- *Công Ty TNHH Lưu Công Hiệu*

+ Địa chỉ: Số 10A2 KDC An Bình, đường Trần Quốc Toản, KP 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- *Công Ty Cổ Phần Ichiban Star*

+ Địa chỉ: Số 03 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,99%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,99%

- *Công Ty Cổ Phần BĐS Hưng Khang*

+ Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,99%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,99%

- *Công Ty TNHH MTV Gilimex Đồng Nai*

+ Địa chỉ: 111A, ấp 2A, Xã Xuân Bắc, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty Cổ Phần Gilimex Long Khánh*

+ Địa chỉ: Đường số 6, KCN Long Khánh, Xã Bình Lộc, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,97%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,97%

- *Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Mỹ Khang*

+ Địa chỉ: Số 5 Đường Hoà Bình, Khu Đô Thị - Dịch Vụ VSIP Quảng Ngãi, Trương Quang Trọng, Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,99%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,99%

b/ Danh sách Công ty con đầu tư gián tiếp được hợp nhất

- *Công Ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Gilimex Vĩnh Long*

+ Địa chỉ: Số PG2-22, Khóm 1, Phường 4, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

+ Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ: 30%

+ Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty mẹ: 58,50%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88,50%

c/ Danh sách Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất

- *Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Hoàng An*

+ Địa chỉ: Số 26A3, Đường Tạo Lực 5, KCN Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 35%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 35%

5. Kết quả hoạt động

	Năm nay	*Năm trước*
- Lợi nhuận sau thuế trên Bảng kết quả kinh doanh hợp nhất	361.392.800.018	330.633.107.637
	Số cuối năm	***Số đầu năm***
- Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất	1.091.237.194.050	885.394.615.299

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Đại diện theo Pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Lê Hùng	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên
Ông	Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông	Trần Thanh Tùng	Thành viên
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà	Phạm Thị Ánh Nguyệt	Giám đốc (bổ nhiệm kể từ ngày 14/09/2022)
Ông	Phạm Văn Tàu	Giám đốc (miễn nhiệm kể từ ngày 14/09/2022)

Đại diện pháp luật

Ông	Lê Hùng	Chủ tịch HĐQT

Kế toán trưởng

Bà	Nguyễn Thị Minh Hiếu

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2022 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2022, kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Duyệt, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (GILIMEX)

Lê Hùng

Số : 346 /BCKT/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022
của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)

Kính gửi: **- Cổ đông Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh**
- Hội đồng Quản trị Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh
- Ban Giám đốc Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX** được lập ngày 25/03/2023, từ trang 9 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX** tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam	**Kiểm toán viên**
Phó Tổng Giám đốc	
Lê Kim Ngọc	**Dương Thị Quỳnh Hoa**
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0181-2023-142-1	Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0424-2023-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**3.492.441.927.983**	**3.153.040.220.084**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**759.064.914.351**	**762.046.836.657**
1. Tiền	111		401.964.914.351	419.196.836.657
2. Các khoản tương đương tiền	112		357.100.000.000	342.850.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.02**	**997.222.920.300**	**479.207.133.547**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		64.057.991.077	64.059.133.547
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(38.080.070.777)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		971.245.000.000	415.148.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**283.166.967.824**	**1.022.774.940.175**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	100.553.854.106	878.427.586.083
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		77.675.857.952	86.557.490.927
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	104.937.255.766	57.789.863.165
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.06**	**1.253.925.625.812**	**749.348.150.440**
1. Hàng tồn kho	141		1.253.925.625.812	749.348.150.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**199.061.499.696**	**139.663.159.265**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	2.943.191.359	2.327.441.538
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		193.481.245.924	137.221.685.366
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	2.637.062.413	114.032.361
4. Giao dịch mua lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**495.895.439.300**	**612.760.402.193**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**28.956.295.720**	**29.254.092.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	28.956.295.720	29.254.092.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	**220**		**255.624.475.096**	**259.184.539.111**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	227.011.229.114	229.887.095.648
- Nguyên giá	222		384.556.705.342	368.101.256.926
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(157.545.476.228)	(138.214.161.278)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	28.613.245.982	29.297.443.463
- Nguyên giá	228		32.984.789.334	32.400.849.334
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(4.371.543.352)	(3.103.405.871)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**V.07**	**17.060.978.206**	**14.101.562.833**
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.060.978.206	14.101.562.833
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.02**	**21.964.178.409**	**122.475.476.793**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		21.964.178.409	122.475.476.793
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**172.289.511.869**	**187.744.731.456**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	47.487.150.660	34.843.213.530
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	368.083.761	12.219.720.086
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		124.434.277.448	140.681.797.840
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**3.988.337.367.283**	**3.765.800.622.277**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**1.476.678.498.622**	**2.155.361.074.843**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.329.859.942.431**	**2.084.754.714.843**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	513.978.562.077	927.146.082.543
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.536.617.992	30.785.682.739
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	11.377.077.490	46.673.918.397
4. Phải trả người lao động	314		39.861.126.942	84.312.169.252
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	562.699.920	824.073.537
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	942.629.032	857.148.095
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	70.947.843.549	52.683.004.312
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	663.607.538.616	941.426.789.155
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.846.813	45.846.813
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**146.818.556.191**	**70.606.360.000**
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	2.600.000.000	2.600.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	143.135.790.000	68.006.360.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.17	1.082.766.191	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	**400**	**V.18**	**2.511.658.868.661**	**1.610.439.547.434**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**2.511.658.868.661**	**1.610.439.547.434**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		690.000.000.000	432.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*690.000.000.000*	*432.000.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		647.834.982.665	227.834.982.665
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(35.804.344.577)	(33.240.074.577)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.540.468.600	40.558.148.600
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		120.000.000	390.000.000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.091.237.194.050	885.394.615.299
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*729.921.086.508*	*555.389.783.334*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*361.316.107.542*	*330.004.831.965*
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		82.730.567.923	57.501.875.447
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**3.988.337.367.283**	**3.765.800.622.277**

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Dương Ngọc Hải	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lê Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.01**	**3.166.709.117.208**	**4.150.320.316.468**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	35.211.456	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**3.166.673.905.752**	**4.150.320.316.468**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	2.671.499.668.316	3.395.857.694.895
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**495.174.237.436**	**754.462.621.573**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	445.632.507.634	85.091.627.249
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	236.151.695.640	62.962.365.263
+ Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*20.954.049.005*	*16.230.385.996*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(41.311.927)	(32.336.764.416)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.08	61.436.683.707	155.965.433.704
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	184.319.410.486	156.288.786.389
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**458.857.643.310**	**432.000.899.050**
12. Thu nhập khác	31	VI.06	4.251.373.120	8.321.361.115
13. Chi phí khác	32	VI.07	4.208.210.493	6.985.748.770
14. Lợi nhuận khác	**40**		**43.162.627**	**1.335.612.345**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**458.900.805.937**	**433.336.511.395**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**VI.10**	**84.573.603.403**	**110.367.368.290**
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**VI.11**	**12.934.402.516**	**(7.663.964.532)**
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**361.392.800.018**	**330.633.107.637**
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		361.759.037.132	330.292.831.965
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(366.237.114)	340.275.672
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.12**	**6.727**	**8.965**
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**VI.13**	**6.727**	**8.965**

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Dương Ngọc Hải	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lê Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (GILIMEX)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**458.900.805.937**	**433.336.511.395**
2. Điều chỉnh cho các khoản			**(143.621.943.022)**	**60.356.562.231**
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		27.139.353.547	24.739.058.440
- Các khoản dự phòng	03		(57.101.286.095)	(40.164.888)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.733.394.510)	11.245.231.748
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(132.880.664.969)	8.182.050.935
- Chi phí lãi vay	06		20.954.049.005	16.230.385.996
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**315.278.862.915**	**493.693.073.626**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		740.375.634.864	(473.285.531.273)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(521.678.220.861)	(236.145.450.852)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(461.629.587.880)	515.601.357.226
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		2.201.373.710	(6.078.077.145)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		1.142.470	(49.386.009.159)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(28.679.178.323)	(17.819.481.348)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(119.894.264.643)	(105.959.660.350)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	70.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(18.874.785.617)	(6.215.680.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(92.899.023.365)**	**114.474.540.725**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(26.698.916.497)	(94.369.115.263)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		429.583.165	2.229.632.936
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.573.028.000.000)	(406.635.000.000)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.016.931.000.000	334.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		316.869.563.156	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37.017.001.934	21.925.080.545
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(228.479.768.242)**	**(142.849.401.782)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		588.000.000.000	970.980.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(7.140.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.341.999.209.842	2.565.444.311.308
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.548.177.738.048)	(2.323.783.846.139)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(58.295.237.500)	(34.556.211.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**323.519.094.294**	**208.075.233.994**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**2.140.302.687**	**179.700.372.937**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**762.046.836.657**	**586.830.349.036**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.122.224.993)	(4.483.885.316)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**759.064.914.351**	**762.046.836.657**

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Dương Ngọc Hải	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lê Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Theo giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4103000253 cấp ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 số 0302181666 ngày 17/11/2022 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 690.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 690.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 334A Phan Văn Trị, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Nghành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động cấp tín dụng khác; Sản xuất điện.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

5. Cấu trúc Công ty

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 14 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp: 01 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất: 14 công ty

Tổng số các công ty liên doanh, liên kết: 01 công ty.

Tổng số các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất: 01 công ty.

a/ Danh sách Công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất

- *Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ*
  + Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định*
  + Địa chỉ: 370 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ*
  + Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,45%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,45%%

- *Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Kim Khí Đại Tây Dương*
  + Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương*
  + Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,9%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,9%

- *Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex*
  + Địa chỉ: Cụm CN - Tiểu thủ CN Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- *Công Ty CP Đầu Tư Hạ Tầng BT*
  + Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

- *Công Ty Cổ Phần KCN Gilimex*
  + Địa chỉ: 45 Nguyễn Huệ, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 90%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 90%
- *Công Ty TNHH Lưu Công Hiệu*
  + Địa chỉ: Số 10A2 KDC An Bình, đường Trần Quốc Toản, KP 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- *Công Ty Cổ Phần Ichiban Star*
  + Địa chỉ: Số 03 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,99%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,99%
- *Công Ty Cổ Phần BĐS Hưng Khang*
  + Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,99%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,99%
- *Công Ty TNHH MTV Gilimex Đồng Nai*
  + Địa chỉ: 111A, ấp 2A, Xã Xuân Bắc, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- *Công Ty Cổ Phần Gilimex Long Khánh*
  + Địa chỉ: Đường số 6, KCN Long Khánh, Xã Bình Lộc, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,97%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,97%
- *Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Mỹ Khang*
  + Địa chỉ: Số 5 Đường Hoà Bình, Khu Đô Thị - Dịch Vụ VSIP Quảng Ngãi, Trương Quang Trọng, Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
  + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,99%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,99%

b/ Danh sách Công ty con đầu tư gián tiếp được hợp nhất

- *Công Ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Gilimex Vĩnh Long*
  + Địa chỉ: Số PG2-22, Khóm 1, Phường 4, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
  + Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ: 30%
  + Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty mẹ: 58,50%
  + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88,50%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

c/ Danh sách Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất

- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Hoàng An

+ Địa chỉ: Số 26A3, Đường Tạo Lực 5, KCN Việt Nam - Singapore 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 35%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 35%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi cần được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua,bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Một khoản dự phòng cho các khoản chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện ghi nhận đối với các khoản dự phòng theo quy định tại Chuẩn mực kế toán "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí SX chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận, Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án … chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ piếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:
- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

c. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:
- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

22. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ là Công Ty CP Sản Xuất Kinh Soanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX và Báo cáo tài chính của các Công ty con cho năm tài chính 2022, đều kết thúc tại ngày 31/12/2022.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty con và Công ty mẹ, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối năm	*Đầu năm*
Tiền mặt (*)	**9.645.627.015**	**8.922.359.770**
Tiền gửi ngân hàng (**)	**392.319.287.336**	**410.274.476.887**
+ Tiền gửi VND	*32.395.003.230*	*17.433.198.973*
+ Tiền gửi ngoại tệ	*359.924.284.106*	*392.841.277.914*
Các khoản tương đương tiền *(tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng)*	**357.100.000.000**	**342.850.000.000**
+ Ngân Hàng TMCP Công Thương VN	*10.600.000.000*	
+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN -CN TSN	*342.500.000.000*	*342.850.000.000*
+ Ngân Hàng Quốc tế VIB	*4.000.000.000*	
Tổng cộng	**759.064.914.351**	**762.046.836.657**

Ghi chú:

(*) Tiền mặt tồn quỹ khớp với biên bản kiểm kê thực tế tại ngày 31/12/2022.

(**) Tiền gửi Ngân hàng phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng tại ngày 31/12/2022.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Cuối năm			*Đầu năm*		
	Giá trị gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
- Tổng giá trị cổ phiếu	64.057.991.077	25.977.920.300	(38.080.070.777)	64.059.133.547	64.059.133.547	
+ Công Ty CP BV đa khoa tư nhân Triều An (50.000 cổ phiếu)	*2.250.000.000*	*2.250.000.000*		*2.250.000.000*	*2.250.000.000*	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (259 cổ phiếu)	*290.000*	*290.000*		*290.000*	*290.000*	
+ Công Ty CP CB Hàng XK Long An (80 cổ	-	-		*1.142.470*	*1.142.470*	
+ Công Ty CP XNK&ĐT Thừa Thiên Huế (70.448 cổ phiếu)	*585.172.500*	*585.172.500*		*585.172.500*	*585.172.500*	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

+ Công Ty CP Garmex Sài Gòn (2.337.622 cổ phiếu)	*61.222.528.577*	*23.142.457.800*	*(38.080.070.777)*	*61.222.528.577*	*61.222.528.577*	
Tổng cộng	**64.057.991.077**	**25.977.920.300**	**(38.080.070.777)**	**64.059.133.547**	**64.059.133.547**	**-**

2.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	Cuối năm		*Đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
Ngắn hạn:	**971.245.000.000**	**971.245.000.000**	**415.148.000.000**	**415.148.000.000**
- Tiền gửi có kỳ hạn	971.245.000.000	971.245.000.000	415.148.000.000	415.148.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	*971.245.000.000*	*971.245.000.000*	*415.148.000.000*	*415.148.000.000*
Tổng cộng	**971.245.000.000**	**971.245.000.000**	**415.148.000.000**	**415.148.000.000**

2.3 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Cuối năm	*Đầu năm*
+ Công Ty CP Dệt May Gia Định (tỷ lệ 25,91%)(*)		*100.469.986.457*
+ Công Ty CP ĐT & PT Hoàng An (tỷ lệ 35%) (**)	*21.964.178.409*	*22.005.490.336*
Tổng cộng	**21.964.178.409**	**122.475.476.793**

Ghi chú:

(**) Theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐQT ngày 11/01/2020 của Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh về việc phê duyệt nhận chuyển nhượng cổ phần của Ông Lê Hùng tại Công Ty CP ĐT & PT Hoàng An, tổng số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng là 210.000 cổ phần (tương đương 2,1 tỷ đồng, chiếm 35% Vốn điều lệ của Công Ty CP ĐT & PT Hoàng An) đồng thời đề cử Ông Lê Hùng làm người đại diện theo ủy quyền đối với số cổ phần nhận chuyển nhượng này. Tại ngày 31/12/2021, khoản mục trích lập dự phòng đầu tư của Công Ty CP ĐT & PT Hoàng An chúng tôi dựa trên Báo cáo tài chính năm 2021 do Công Ty CP ĐT & PT Hoàng An lập và công bố trên trang web của Công Ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Cuối năm	*Đầu năm*
Phải thu khách hàng ngắn hạn	***100.553.854.106***	***878.427.586.083***
+ Ikea Trading HongKong LTD	-	*28.225.983.500*
+ Ikea Supply AG	*74.427.477.885*	*41.618.774.651*
+ Amazon Robotics, llc	*15.310.118.697*	*797.215.718.629*
+ Công ty TNHH Thủ Công Mỹ Nghệ và Nội Thất Ngọc Sơn	*196.703.404*	*2.726.466.212*
+ Các đối tượng khác	*10.619.554.120*	*8.640.643.091*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
a. Phải thu ngắn hạn khác	***104.937.255.766***	-	***57.789.863.165***	-
- Tạm ứng	3.169.427.242	-	8.566.250.383	-
- Ký cược, ký quỹ	40.930.000	-	140.930.000	-
+ Ký quỹ khác	*40.930.000*		*140.930.000*	
- Phải thu khác	101.726.898.524	-	49.082.682.782	-
Trong đó:				
+ Thuế nhập khẩu chờ hoàn	*23.721.071.897*	-	*149.935.064*	-
+ Công Ty TNHH XD Việt Build	-	-	*5.000.000.000*	-
+ Phải thu hàng lỗi vải từ nhà cung cấp	-	-	*221.694.235*	-
+ Công Ty TNHH Giao Nhận và vận tải Liên Lục Địa	-	-	*963.271.326*	-
+ Công Ty CP Chứng Khoán MB	*1.420.670*	-	*1.407.535.515*	-
+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tân Sơn Nhất	*10.298.839.037*	-	*5.485.032.826*	-
+ Phải thu lại tiền đã chi NS cho việc quản lý và hoạt động các dự án của Công ty (Ông Hoàng Tiến Đạt)	*53.646.883.092*	-	*27.636.600.000*	-
+ Phải thu lại tiền đã chi NS cho việc quản lý và hoạt động các dự án của Công ty (Ông Nguyễn Hữu Phúc)	*8.307.000.000*	-	-	
+ Phải thu lại tiền đã chi NS cho việc quản lý và hoạt động các dự án của Công ty (Bà Phạm Hà Minh)	-	-	*1.661.150.000*	-
+ TODAY'S TEXTILE CO., LTD (TAIWAN)	-	-	*1.556.391.488*	-
+ Phải thu khác	*5.751.683.828*	-	*5.001.072.328*	-
b. Phải thu dài hạn khác	***28.956.295.720***	-	***29.254.092.000***	-
- Ký cược, ký quỹ	28.956.295.720	-	29.254.092.000	-
+ Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phú Bài giai đoạn III và giai đoạn IV-đợt 2	*22.806.500.000*	-	*22.806.500.000*	-
+ Ký quỹ khác	6.149.795.720	-	6.447.592.000	-
Tổng cộng	**133.893.551.486**	-	**87.043.955.165**	-

5. NỢ XẤU

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	-	-
Tổng cộng	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

6. HÀNG TỒN KHO

	Cuối năm		*Đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Hàng đang đi trên đường	1.855.656.678	-	8.734.781.524	-
- Nguyên liệu, vật liệu	320.227.983.129	-	372.141.802.820	-
- Công cụ, dụng cụ	37.070.118.314	-	33.487.763.672	-
- Chi phí SXKD dở dang	297.781.968.506	-	171.246.920.805	-
- Thành phẩm	596.469.827.702	-	163.667.292.761	-
- Hàng hóa	470.950.161	-	7.831.536	-
- Hàng hóa gửi bán	49.121.322	-	61.757.322	-
Cộng	**1.253.925.625.812**	**-**	**749.348.150.440**	

7. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Cuối năm		*Đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
- Xây dựng cơ bản dở dang	17.060.978.206	16.050.989.896	14.101.562.833	13.091.574.523
Trong đó:				
+ Mua sắm TSCĐ	*999.868.944*	*999.868.944*	*827.300.844*	*827.300.844*
+ Xây dựng cơ bản dở dang	*16.061.109.262*	*15.051.120.952*	*13.274.261.989*	*12.264.273.679*
Công trình khu biệt thự Bình Quới, Thanh Đa	*5.059.058.152*	*5.059.058.152*	*5.059.058.152*	*5.059.058.152*
Công trình phường 28, quận Bình Thạnh	*1.009.988.310*	-	*1.009.988.310*	-
Công trình Kho Tổng Gilimex	*1.133.857.291*	*1.133.857.291*	*1.133.857.291*	*1.133.857.291*
Công trình khách sạn 5 sao Hưng Khang	*4.725.363.636*	*4.725.363.636*	*4.725.363.636*	*4.725.363.636*
KCN Phú Bài	*394.445.455*	*394.445.455*	*394.445.455*	*394.445.455*
Công trình mở rộng nhà máy Metal	*19.984.545*	*19.984.545*	*19.984.545*	*19.984.545*
Công trình xưởng cắt NM Bình Thạnh	-	-	*931.564.600*	*931.564.600*
Công trình mở rộng nhà máy PLE	*3.275.913.919*	*3.275.913.919*	-	-
Công trình kho nhà máy Đồng Nai	*417.952.500*	*417.952.500*	-	-
Công trình nhà máy xử lý nước thải KCN Phú Bài	*24.545.454*	*24.545.454*	-	-
+ Sửa chữa	-	-	-	-
Tổng cộng	**17.060.978.206**	**16.050.989.896**	**14.101.562.833**	**13.091.574.523**

Ghi chú:

Công trình phường 28, quận Bình Thạnh phát sinh từ những năm trước, với những tài liệu hiện có do Công ty cung cấp chúng tôi không có căn cứ xác định công trình này có được tiếp tục thực hiện hay không, do vậy chúng tôi không thể xác định được giá trị có thể thu hồi của công trình này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	**222.310.336.980**	**98.603.152.968**	**40.971.602.036**	**3.796.840.939**	**2.419.324.003**	**368.101.256.926**
2. Số tăng trong năm	**8.124.897.202**	**4.629.635.486**	**9.456.858.988**	**453.039.818**	**549.629.630**	**23.214.061.124**
- Mua trong năm	2.657.436.305	4.629.635.486	8.590.161.988	453.039.818	549.629.630	16.879.903.227
- Đầu tư XDCN hoàn thành	5.467.460.897		866.697.000			6.334.157.897
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm		**5.925.394.527**	**833.218.181**			**6.758.612.708**
- Thanh lý, nhượng bán		5.925.394.527	774.718.181			6.700.112.708
- Giảm khác			58.500.000			58.500.000
4. Số dư cuối năm	**230.435.234.182**	**97.307.393.927**	**49.595.242.843**	**4.249.880.757**	**2.968.953.633**	**384.556.705.342**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**56.234.784.235**	**59.382.344.700**	**20.064.985.316**	**1.373.255.692**	**1.158.791.335**	**138.214.161.278**
2. Khấu hao trong năm	**10.631.033.387**	**9.020.492.105**	**5.172.105.010**	**478.788.799**	**568.796.765**	**25.871.216.066**
- Khấu hao tăng trong năm	10.631.033.387	9.020.492.105	5.172.105.010	478.788.799	568.796.765	25.871.216.066
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm		**5.765.182.935**	**774.718.181**			**6.539.901.116**
- Thanh lý, nhượng bán		5.765.182.935	774.718.181			6.539.901.116
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**66.865.817.622**	**62.637.653.870**	**24.462.372.145**	**1.852.044.491**	**1.727.588.100**	**157.545.476.228**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	**166.075.552.745**	**39.220.808.268**	**20.906.616.720**	**2.423.585.247**	**1.260.532.668**	**229.887.095.648**
2. Tại ngày cuối năm	**163.569.416.560**	**34.669.740.057**	**25.132.870.698**	**2.397.836.266**	**1.241.365.533**	**227.011.229.114**

Ghi chú:

- *Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ* : Không có
- *Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng* : 66.682.436.017 VND
- *Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý* : Không có
- *Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai* : Không có
- *Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình* : Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	**31.672.832.334**	**-**	**728.017.000**		**32.400.849.334**
2. Số tăng trong năm	**-**	**-**	**495.000.000**	**88.940.000**	**583.940.000**
Bao gồm:					
- Mua trong năm	-	-	495.000.000	88.940.000	583.940.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**31.672.832.334**	**-**	**1.223.017.000**	**88.940.000**	**32.984.789.334**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế					
1. Số dư đầu năm	**2.449.062.984**	**-**	**654.342.887**		**3.103.405.871**
2. Khấu hao trong năm	**1.186.114.032**	**-**	**71.073.312**	**10.950.137**	**1.268.137.481**
Bao gồm:					
- Khấu hao tăng trong năm	1.186.114.032	-	71.073.312	10.950.137	1.268.137.481
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Bao gồm:					
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**3.635.177.016**	**-**	**725.416.199**	**10.950.137**	**4.371.543.352**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	**29.223.769.350**	**-**	**73.674.113**	**-**	**29.297.443.463**
2. Tại ngày cuối năm	**28.037.655.318**	**-**	**497.600.801**	**77.989.863**	**28.613.245.982**

Ghi chú:

- *Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay* : Không có
- *Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng* : 666.110.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Cuối năm	*Đầu năm*
a. Ngắn hạn	***2.943.191.359***	***2.327.441.538***
- Chi phí bảo hiểm, khám sức khỏe	1.551.062.760	1.264.485.887
- Chi phí gia công bán thành phẩm (in, thêu)	264.252.901	264.252.901
- Chi phí phần mềm, hệ thống mạng	175.563.680	119.309.461
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	525.980.200	409.087.328
- Chi phí bảo trì, sữa chửa, thi công	426.331.818	270.305.961
b. Dài hạn	***47.487.150.660***	***34.843.213.530***
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	16.074.651.484	20.969.658.982
- Chi phí bảo trì, sữa chửa, thi công	2.555.147.609	2.528.639.287
- Chi phí phần mềm, hệ thống mạng	380.958.645	423.660.593
- Chi phí thuê đất	11.230.145.573	10.921.254.668
- Chi phí trả trước tiền thuê đất (Chi phí GPMB được khấu trừ)	15.116.632.534	-
- Chi phí marketing chờ phân bổ	2.129.614.815	-
Tổng cộng	**50.430.342.019**	**37.170.655.068**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Cuối năm		*Trong năm*		*Đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Vay ngắn hạn	***663.607.538.616***	***663.607.538.616***	***2.266.697.145.359***	***2.544.516.395.898***	***941.426.789.155***	***941.426.789.155***
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Vũng Tàu (USD)	*-*	*-*	*39.004.886.532*	*70.458.263.591*	*31.453.377.059*	*31.453.377.059*
+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Tân Sơn Nhất (USD)	*640.149.317.767*	*640.149.317.767*	*1.798.667.771.705*	*1.731.953.891.536*	*573.435.437.598*	*573.435.437.598*
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội VN - CN Bắc Sài Gòn (USD)	*18.521.360.720*	*18.521.360.720*	*397.108.201.476*	*715.124.815.254*	*336.537.974.498*	*336.537.974.498*
+ Ngân hàng Chính Sách Xã Hội	*4.936.860.129*	*4.936.860.129*	*31.916.285.646*	*26.979.425.517*	*-*	*-*
b. Vay dài hạn	***143.135.790.000***	***143.135.790.000***	***75.129.430.000***		***68.006.360.000***	***68.006.360.000***
+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Tân Sơn Nhất	*143.135.790.000*	*143.135.790.000*	*75.129.430.000*	*-*	*68.006.360.000*	*68.006.360.000*
Cộng	**806.743.328.616**	**806.743.328.616**	**2.341.826.575.359**	**2.544.516.395.898**	**1.009.433.149.155**	**1.009.433.149.155**

Ghi chú:

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Tân Sơn Nhất (USD) là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng (Phụ lục HĐ)	Thời hạn vay	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
05/CV-0137/17/GV/GHTD	16/05/2022	không vượt quá 06 tháng	750.000.000.000	theo từng giấy nhận nợ	640.149.317.767	Khoản phải thu đã hình thành từ Amazon 350 tỷ đồng và giá trị hàng hóa 400 tỷ đồng
Cộng					**640.149.317.767**	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn (USD) là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
17302.22.201.775210.TD	21/04/2022	không vượt quá 06 tháng	500.000.000.000	theo từng giấy nhận nợ	18.521.360.720	Khoản phải thu đã hình thành từ IKEA/Amazon hoặc các đối tác có phương thức thanh toán LC cho MB
Cộng					**18.521.360.720**	

+ Số dư khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Tân Sơn Nhất là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng (Phụ lục HĐ)	Thời hạn vay	Hạn mức	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
0278/21/TSN/TLTDH	06/09/2021	60 tháng	250.000.000.000	theo từng giấy nhận nợ	143.135.790.000	Cầm cố tài sản là tài khoản tiền gửi có kỳ hạn
Cộng					**143.135.790.000**	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Cuối năm		*Đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Ngắn hạn:	***513.978.562.077***	***513.978.562.077***	***927.146.082.543***	***927.146.082.543***
- OK SUNG IND	-	-	*3.345.409.963*	*3.345.409.963*
- Công Ty CP XNK & Đầu Tư Thừa Thiên Huế	-	-	*77.250.052.000*	*77.250.052.000*
- VIETNAM CONNECTIONS ,INC	*104.101.065.459*	*104.101.065.459*	*91.361.562.814*	*91.361.562.814*
- WOOJEON CO., LTD	*127.093.039.087*	*127.093.039.087*	*188.187.031.303*	*188.187.031.303*
- HONG KONG MINWIE TRADING CO.,LTD	-	-	*2.889.333.247*	*2.889.333.247*
- BLAZE MAX HONG KONG LIMITED	*71.401.920.227*	*71.401.920.227*	*130.828.989.154*	*130.828.989.154*
- Các đối tượng khác	*211.382.537.304*	*211.382.537.304*	*433.283.704.062*	*433.283.704.062*
b. Dài hạn:	-	-	-	
Cộng	**513.978.562.077**	**513.978.562.077**	**927.146.082.543**	**927.146.082.543**
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU, PHẢI NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	**Phải nộp trong năm**	**Đã nộp trong năm**	**Cuối năm**
a. Phải nộp	***46.673.918.397***	***148.593.207.712***	***183.890.048.619***	***11.377.077.490***
Thuế giá trị gia tăng	852.125.736	21.306.553.586	21.541.114.760	617.564.562
+ Thực nộp bằng tiền	*852.125.736*	*21.306.553.586*	*21.541.114.760*	*617.564.562*
+ Được khấu trừ	-	-	-	-
Thuế nhập khẩu	211.545.880	23.010.100.868	23.010.100.868	211.545.880
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.875.319.936	84.448.806.353	118.907.809.582	9.416.316.707
Thuế thu nhập cá nhân	722.209.719	16.243.598.688	15.834.158.066	1.131.650.341
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.012.717.126	3.481.732.971	4.494.450.097	
Thuế khác	-	102.415.246	102.415.246	-
b. Phải thu	***114.032.361***	***114.032.361***	***2.637.062.413***	***2.637.062.413***
Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.464.874	108.464.874	985.899.518	985.899.518
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế đất phi nông nghiệp	5.567.487	5.567.487	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.651.162.895	1.651.162.895

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối năm	*Đầu năm*
Ngắn hạn	***562.699.920***	***824.073.537***
- Trích trước chi phí lãi vay	519.383.709	759.245.336
- Chi phí hàng về nhập kho chưa có chứng từ	43.316.211	64.828.201
Cộng	**562.699.920**	**824.073.537**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối năm	*Đầu năm*
a. Ngắn hạn	***70.947.843.549***	***52.683.004.312***
- Kinh phí công đoàn	1.145.779.250	981.084.860
- BHXH, BHYT, BHTN	4.974.500	25.221.775
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	69.797.089.799	51.676.697.677
Trong đó:		
Chi khen thưởng, lễ tết	-	*1.437.500.000*
IKEA TRADING HONGKONG	-	*1.324.518.150*
TODAY'S TEXTILE (Đài Loan)	-	*3.908.174.692*
BALLARD DESIGNS	-	*2.199.153.962*
IKEA SUPPLY AG	-	*7.518.292.091*
EAST WEST MANUFACTURING	-	*463.719.792*
Người lao động nộp tiền mua cổ phiếu ESOP	*9.120.000.000*	
BLAZE MAX HONG KONG LIMITED	*26.013.200.996*	*15.847.991.598*
Các đối tượng khác	*34.663.888.803*	*18.977.347.392*
b. Dài hạn	***2.600.000.000***	***2.600.000.000***
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	2.600.000.000	2.600.000.000

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Cuối năm	*Đầu năm*
a. Ngắn hạn	***942.629.032***	***857.148.095***
- Doanh thu nhận trước (cho thuê văn phòng)	942.629.032	857.148.095
b. Dài hạn	-	-

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	Cuối năm	*Đầu năm*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khấu trừ	368.083.761	12.219.720.086
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**368.083.761**	**12.219.720.086**
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế thu nhập hoãn lại	20%	
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời	1.082.766.191	
Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	**1.082.766.191**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
a. Số dư đầu năm trước	**360.000.000.000**	**227.032.582.665**	**(30.560.814.577)**	**45.575.828.600**	**270.000.000**	**660.591.279.981**	**1.262.908.876.669**
- Tăng trong năm trước	**72.000.000.000**	**802.400.000**	**(2.841.260.000)**		**960.000.000**	**330.633.107.637**	**401.554.247.637**
Trong đó:							
- Tăng vốn trong năm trước	6.580.000						6.580.000
- Tăng vốn trong năm trước (thưởng cổ phiếu)	71.993.420.000		(2.841.260.000)				69.152.160.000
- Lợi nhuận tăng trong năm trước						330.633.107.637	330.633.107.637
- Tăng do trích lập quỹ					960.000.000		960.000.000
- Bán cổ phiếu quỹ		802.400.000					802.400.000
- Giảm trong năm trước			**162.000.000**	**5.017.680.000**	**840.000.000**	**105.829.772.319**	**111.849.452.319**
Trong đó:							
- Trích lập Quỹ						960.000.000	960.000.000
- Bán cổ phiếu quỹ			*162.000.000*				162.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu						69.152.160.000	69.152.160.000
- Chia cổ tức bằng tiền						34.556.211.175	34.556.211.175
- Giảm khác				5.017.680.000	840.000.000	1.161.401.144	7.019.081.144
b. Số dư đầu năm nay	**432.000.000.000**	**227.834.982.665**	**(33.240.074.577)**	**40.558.148.600**	**390.000.000**	**885.394.615.299**	**1.552.937.671.987**
- Tăng trong năm nay	**258.000.000.000**	**420.000.000.000**	**(2.564.270.000)**		**840.000.000**	**361.392.800.018**	**1.037.668.530.018**
Trong đó:							
- Tăng vốn trong năm nay	168.000.000.000	420.000.000.000					588.000.000.000
- Tăng vốn trong năm nay (thưởng cổ phiếu)							-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

- Lợi nhuận tăng trong năm nay						361.392.800.018	361.392.800.018
- Tăng do trích lập quỹ					840.000.000		840.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	90.000.000.000		(2.557.130.000)				87.442.870.000
- Mua cổ phiếu quỹ			(7.140.000)				(7.140.000)
- Giảm trong năm nay				**5.017.680.000**	**1.110.000.000**	**155.550.221.267**	**161.677.901.267**
Trong đó:							
- Trích lập Quỹ						840.000.000	840.000.000
- Bán cổ phiếu quỹ							-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu						84.601.610.000	84.601.610.000
- Chia cổ tức bằng tiền						58.295.237.500	58.295.237.500
- Giảm khác				5.017.680.000	1.110.000.000	11.813.373.767	17.941.053.767
c. Số dư cuối năm nay	**690.000.000.000**	**647.834.982.665**	**(35.804.344.577)**	**35.540.468.600**	**120.000.000**	**1.091.237.194.050**	**2.428.928.300.738**

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		*Đầu năm*	
Vốn đầu tư của Nhà nước				
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	690.000.000.000		432.000.000.000	
Cộng	**690.000.000.000**		**432.000.000.000**	
* Thặng dư vốn cổ phần	647.834.982.665		227.834.982.665	
* Cổ phiếu ngân quỹ	(35.804.344.577)	1.961.184 cổ phiếu	(33.240.074.577)	1.704.757 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	***690.000.000.000***	***432.000.000.000***
+ Vốn góp đầu năm	432.000.000.000	360.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	258.000.000.000	72.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	690.000.000.000	432.000.000.000
b. Cổ tức lợi nhuận đã chia	***142.896.847.500***	***103.708.371.175***

18.4. Cổ phiếu

	Cuối năm	*Đầu năm*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	43.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	43.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*60.000.000*	*43.200.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	1.961.184	1.704.757
+ Cổ phiếu phổ thông	*1.961.184*	*1.704.757*
Trong đó:		
Gilimex mua	*714*	
Công ty con mua	*1.960.470*	*1.704.757*
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.038.816	41.495.243
+ Cổ phiếu phổ thông	*58.038.816*	*41.495.243*
+ Cổ phiếu ưu đãi		

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đồng/cổ phiếu*

18.5. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

18.6. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	35.540.468.600	40.558.148.600
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	45.846.813	45.846.813
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	120.000.000	390.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT

	Cuối năm	*Đầu năm*
a.Ngoại tệ các loại		
- USD (nguyên tệ)	18.226.211,81	17.200.467,90
- EUR (nguyên tệ)	133.897,52	133.897,52

b. Nợ khó đòi đã xử lý:

Đối tượng	**Số tiền (VND)**	**Thời điểm xóa sổ**	**Nguyên nhân xóa sổ**
+ Công Ty Sản Xuất Phim Việt Chuyên Đề	2.250.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH Đầu Tư Chiến Thắng	117.600.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Tô Thị Ngọc Thảo	20.000.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH Đức Nhân	396.635.955	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty CP Truyền Thông Ánh Sáng Xanh	7.700.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đất Phố	151.200.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH Phú Hải	4.331.067	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty Hoàng Gia	44.000.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH Đầu Tư Tiến Thắng	78.400.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH TM DV XD Kim Loan	71.148.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty CP Klassy	1.406.354.260	Năm 2017	Không thể thu hồi
Cộng	**2.299.619.282**		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu	***3.166.709.117.208***	***4.150.320.316.468***
+ Doanh thu bán hàng hóa	-	5.257.863.383
+ Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	3.160.257.100.744	4.139.176.921.117
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.452.016.464	5.885.531.968
Cộng	**3.166.709.117.208**	**4.150.320.316.468**

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	*Năm trước*
- Hàng bán bị trả lại	35.211.456	-
Cộng	**35.211.456**	**-**

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	*Năm trước*
- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	5.624.626.000
- Giá vốn hàng hóa đã cung cấp và thành phẩm đã bán	2.667.627.937.235	3.387.667.227.394
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.871.731.081	2.565.841.501
Cộng	**2.671.499.668.316**	**3.395.857.694.895**

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.487.834.656	21.608.064.545
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.040.593.600	317.016.000
- Lãi thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	197.557.632.247	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	185.813.052.621	63.166.546.704
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	1.733.394.510	-
Cộng	**445.632.507.634**	**85.091.627.249**

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí lãi vay	20.954.049.005	16.230.385.996
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	169.767.650.108	35.524.754.003
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	311.939.646	11.245.231.748
- Dự phòng đầu tư tài chính	48.466.612.129	-
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(3.348.555.248)	(40.164.888)
- Chi phí tài chính khác	-	2.158.404
Cộng	**236.151.695.640**	**62.962.365.263**

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ và CCDC	852.304.390	1.002.271.909
- Thu nhập từ bồi thường, trợ cấp, ngoài định mức	1.857.372.745	1.890.530.104
- Thu tiền phí test	355.456.950	1.329.755.955

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

- Xử lý công nợ	-	2.692.507.545
- Thu nhập từ thanh lý, tái chế	589.613.450	-
- Thu nhập khác	596.625.585	1.406.295.602
Cộng	**4.251.373.120**	**8.321.361.115**

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
- Giá trị còn lại và chi phí thanh lý, nhượng bán	23.362.481	101.408.521
- Chi phí vi phạm hợp đồng, phạt chậm nộp thuế …	389.295.719	26.080.691
- Chi phí hủy hàng tồn lâu ngày, hư hỏng	-	2.969.791.668
- Chi phí vi phạm hợp đồng, hàng lỗi	7.515.098	402.278.063
- Chi phí khác	3.788.037.195	3.486.189.827
Cộng	**4.208.210.493**	**6.985.748.770**

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	*Năm trước*
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	***61.436.683.707***	***155.965.433.704***
- Chi phí nguyên vật liệu	1.151.638.678	474.896.755
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.662.108.000	2.800.745.786
- Chi phí bán hàng bằng tiền khác	56.622.937.029	152.689.791.163
b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ	***184.319.410.486***	***156.288.786.389***
- Chi phí nhân viên quản lý	72.634.989.053	79.075.786.299
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.958.957.787	2.251.622.683
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.582.139.115	11.202.660.024
- Thuế, phí, lệ phí	6.113.260.269	7.661.861.776
- Lợi thế thương mại	16.247.520.392	13.972.585.855
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.714.740.854	12.142.836.750
- Chi phí QLDN bằng tiền khác	56.067.803.016	29.981.433.002

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.038.767.702.249	2.043.668.308.397
- Chi phí nhân công	420.568.997.942	441.452.891.317
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	18.954.123.057
- Chi phí khấu hao TSCĐ	27.139.353.547	24.739.058.440
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	940.486.620.140	1.124.969.236.268
- Chi phí bằng tiền khác	255.014.061.956	247.939.053.933
Cộng	**3.681.976.735.834**	**3.901.722.671.412**

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	84.408.393.825	110.145.646.569
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	165.209.578	221.721.721
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**84.573.603.403**	**110.367.368.290**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(368.083.761)	(7.714.024.254)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	13.302.486.277	50.059.722
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**12.934.402.516**	**(7.663.964.532)**

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	361.759.037.132	330.292.831.965
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	53.774.436	36.842.558
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**6.727**	**8.965**

13. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	361.759.037.132	330.292.831.965
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	53.774.436	36.842.558
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**6.727**	**8.965**

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. **Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ :** không có

2. **Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:** không có

	Năm nay	*Năm trước*
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	*2.341.999.209.842*	*2.565.444.311.308*
4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	*(2.548.177.738.048)*	*(2.323.783.846.139)*

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**

Ngày 14/12/2022 Công ty đã thực hiện công bố thông tin về việc đang khởi kiện Amazon Robotics LLC ("Amazon") liên quan đến tranh chấp hợp đồng mua bán trong quá trình hợp tác. Theo đó, Amazon là một trong những khách hàng lớn của Công ty từ năm 2014. Công ty đã đầu tư rất lớn cơ sở vật chất và con người để đáp ứng nhu cầu Amazon theo thỏa thuận hai bên. Tuy nhiên, Amazon đã đột ngột thay đổi và giảm mạnh nhu cầu ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty và việc thay đổi này đã vi phạm hợp đồng hợp tác giữa hai bên. Công ty đang tiến hành các thủ tục có liên quan để khởi kiện Amazon tại địa điểm đặt trụ sở của Amazon.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đến thời điểm phát hành báo cáo các khoản phải thu khách hàng Amazon đã được công ty thu hồi hết và hàng tồn kho liên quan đến khách hàng Amazon sẽ được xuất hàng theo quy định của hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

3. Thông tin về các bên liên quan

a. Lương của Ban Giám đốc, thù lao Hội đồng Quản trị năm 2022

**** Lương của Ban Giám đốc năm 2022:***

HỌ VÀ TÊN	LƯƠNG
Phạm Văn Tàu (Từ 01/2022 - 09/2022)	899.165.529
Phạm Thị Ánh Nguyệt (Từ 09/2022 - 12/2022)	379.993.056
Cộng	**1.279.158.585**

**** Thù lao của Hội đồng Quản trị năm 2022:***

STT	THÙ LAO
Lê Hùng	276.000.000
Nguyễn Việt Cường	192.000.000
Nguyễn Quốc Khánh	192.000.000
Trần Thanh Tùng	192.000.000
Nguyễn Hữu Phúc	192.000.000
Cộng	**1.044.000.000**

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận:

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 2 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

5. Tài sản và nợ phải trả tài chính:

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
Tài sản tài chính	*Ngày 31/12/2022*	*Ngày 01/01/2022*	*Ngày 31/12/2022*	*Ngày 01/01/2022*
Tiền và các khoản tương đương tiền	759.064.914.351	762.046.836.657	759.064.914.351	762.046.836.657
Phải thu khách hàng	100.553.854.106	878.427.586.083	100.553.854.106	878.427.586.083
Trả trước cho người bán	77.675.857.952	86.557.490.927	77.675.857.952	86.557.490.927
Các khoản phải thu khác	133.893.551.486	87.043.955.165	133.893.551.486	87.043.955.165
Cộng	**1.071.188.177.895**	**1.814.075.868.832**	**1.071.188.177.895**	**1.814.075.868.832**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	513.978.562.077	927.146.082.543	513.978.562.077	927.146.082.543
Người mua trả tiền trước	28.536.617.992	30.785.682.739	28.536.617.992	30.785.682.739
Vay và nợ	806.743.328.616	1.009.433.149.155	806.743.328.616	1.009.433.149.155
Phải trả người lao động	39.861.126.942	84.312.169.252	39.861.126.942	84.312.169.252
Chi phí phải trả khác	562.699.920	824.073.537	562.699.920	824.073.537
Các khoản phải trả khác	73.547.843.549	55.283.004.312	73.547.843.549	55.283.004.312
Cộng	**1.463.230.179.096**	**2.107.784.161.538**	**1.463.230.179.096**	**2.107.784.161.538**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày 31/12/2022. Tuy nhiên Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2022.

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

b. Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Tiền gửi ngân hàng

Phần lới tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng như cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 31/12/2022	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	513.978.562.077	-	-	513.978.562.077
Người mua trả tiền trước	28.536.617.992	-	-	28.536.617.992
Vay và nợ	663.607.538.616	143.135.790.000	-	806.743.328.616
Phải trả người lao động	39.861.126.942	-	-	39.861.126.942
Chi phí phải trả	562.699.920	-	-	562.699.920
Các khoản phải trả phải nộp khác	70.947.843.549	2.600.000.000	-	73.547.843.549
Cộng	**1.317.494.389.096**	**145.735.790.000**	**-**	**1.463.230.179.096**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022

f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

g. Rủi ro về cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về cổ phiếu là không đáng kể.

i. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

j. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

k. Độ nhạy của ngoại tệ

Công ty thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Tại thời điểm cuối kỳ kết thúc tại ngày 31/12/2022, tỷ giá dùng để đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các tài khoản tiền tệ là tỷ giá thực tế của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản thực hiện giao dịch, do đó Công ty không thực hiện tính độ nhạy của ngoại tệ.

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2022, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

8. Thông tin về số liệu so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán.

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Dương Ngọc Hải	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lê Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH (GILIMEX)